# CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

BÌNH DƯƠNG - NĂM 2024

# MỤC LỤC

**I. THÔNG TIN CHUNG** ..... **4**

*1. Thông tin khái quát* ..... *4*

*2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh* ..... *6*

*3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý* ..... *6*

*4. Định hướng phát triển* ..... *8*

*5. Các rủi ro* ..... *11*

*5.1 Rủi ro về kinh tế* ..... *11*

*5.2 Rủi ro về pháp luật* ..... *11*

*5.3 Rủi ro về môi trường* ..... *11*

**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM** ..... **12**

*1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh* ..... *12*

*2. Tổ chức và nhân sự* ..... *14*

*3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án* ..... *16*

*4. Tình hình tài chính* ..... *18*

*5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu* ..... *18*

*6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty* ..... *21*

*6.1. Tác động lên môi trường* ..... *21*

*6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu* ..... *21*

*6.3. Tiêu thụ năng lượng* ..... *22*

*6.4. Tiêu thụ nước* ..... *23*

*6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường* ..... *23*

*6.6. Chính sách liên quan đến người lao động* ..... *23*

*6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương* ..... *25*

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC** ..... **25**

*1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh* ..... 25

*2. Tình hình tài chính* ..... 26

*3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý* ..... 27

*4. Kế hoạch phát triển trong tương lai* ..... 28

*5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)* ..... 28

*6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty* ..... 28

**IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY ..... 28**

*1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội* ..... 28

*2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty* ..... 29

*3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị* ..... 29

**V. QUẢN TRỊ CÔNG TY ..... 29**

*1. Hội đồng quản trị* ..... 29

*2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán* ..... 35

*3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát* ..... 37

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ..... 38**

*1. Ý kiến kiểm toán* ..... 38

*2. Báo cáo tài chính được kiểm toán* ..... 38

# I. THÔNG TIN CHUNG

## 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700480244 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.
- Vốn điều lệ: 201.213.950.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 201.213.950.000 đồng
- Địa chỉ: Số 119A/2, tổ 4, KP 1B, P.An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương
- Số điện thoại: (0274) 371 3116
- Số fax: (0274) 371 4036
- Website: www.apic.com.vn
- Mã cổ phiếu: APC
- Quá trình hình thành và phát triển:

**Việc thành lập**

Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú tiền thân là Công ty Cổ phần chiếu xạ Thực phẩm. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu số 4603000059 ngày 20/01/2003; đăng ký thay đổi lần 1 đổi tên từ Công ty Chiếu xạ thực phẩm thành Công ty Cổ phần Chiếu xạ Bình Dương ngày 01/02/2005; đăng ký thay đổi lần 2 đổi tên từ Công ty Cổ phần Chiếu xạ Bình Dương thành Công ty Cổ phần An Phú Bình Dương ngày 23/11/2006; đăng ký thay đổi lần 7 số 3700480244 ngày 21/7/2009 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú; đăng ký thay đổi lần 9 ngày 22/3/2011; thay đổi lần thứ 10 vào ngày 18/12/2013; thay đổi lần thứ 11 ngày 02/04/2015; đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 19/09/2018; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 06/02/2020; đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 31/03/2020; đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10/09/2020 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 73/CN-UB ngày 30 tháng 6 năm 2003 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương cấp;

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 6803760767, chứng nhận lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2009 và chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 16 tháng 12 năm 2016 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Vĩnh Long cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 2530281101, chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2018 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Bắc Ninh cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 7538722580, chứng nhận lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2019 và chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 08 tháng 12 năm 2021 do Ban quản lý Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 3700480244-004, chứng nhận lần đầu ngày 13 tháng 10 năm 2023 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

**Niêm yết**

APC được Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM chấp thuận cho niêm yết kể từ ngày 22/01/2010 và chính thức giao dịch từ ngày 05/02/2010.

| | |
|---|---|
| Loại chứng khoán: | Cổ phiếu phổ thông |
| Mã chứng khoán: | APC |
| Mệnh giá: | 10.000 đồng/cổ phiếu |
| Số lượng chứng khoán niêm yết hiện nay: | 20.121.395 cổ phiếu |

**Các sự kiện khác**

- Năm 2005: Chính thức đưa vào vận hành dây chuyền chiếu xạ I.
- Năm 2006: Hoàn thành thêm một dây chuyền chiếu xạ thứ 2 và đưa vào sản xuất kinh doanh.
- Năm 2007: Kho lạnh 3.000 tấn chính thức đưa vào hoạt động.
- Năm 2009: Đầu năm 2009 nộp đơn cho APHIS để tham gia chương trình chiếu xạ trái cây xuất khẩu đi Mỹ, đến tháng 7/2009 Công ty chính thức được APHIS (Cục kiểm dịch động thực vật – Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ) cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn chiếu xạ trái cây xuất sang Mỹ.
- Năm 2010: 8.640.000 cổ phiếu của API được chính thức niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM vào ngày 05-02-2010 với mã chứng khoán là APC.
- Tháng 4/2010: Khởi công xây dựng Nhà máy chiếu xạ An Phú Bình Minh tại KCN Bình Minh, Vĩnh Long.

- Tháng 6/2010: Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 86.400.000.000 đồng lên 114.480.000.000 đồng để bổ sung vốn xây dựng Nhà máy Chiếu xạ An Phú Bình Minh.
- Tháng 10/2011: Nhà máy chiếu xạ An Phú Bình Minh chính thức đi vào hoạt động.
- Tháng 10/2014: Phát hành 572.400 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
- Tháng 5/2016: Sáp nhập Công ty TNHH MTV An Phú Bình Minh thành chi nhánh 01 của Công Ty CP Chiếu Xạ An Phú.
- Tháng 5/2018 : Khởi công xây dựng nhà máy Chiếu xạ An Phú- Chi nhánh 02 và thành lập Công Ty CP Chiếu Xạ An Phú- Chi nhánh 02 tại Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
- Tháng 03/2021: Thành lập Công Ty CP Chiếu Xạ An Phú - Chi nhánh 03 tại Tại Khu Công Nghệ Cao, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- ***Ngành nghề kinh doanh chính***
  - Chiếu xạ khử trùng các loại thủy hải sản, các loại dụng cụ y tế, trái cây
  - Dịch vụ bảo quản rau quả đông lạnh
  - Dịch vụ bảo quản các loại thực phẩm
  - Chiếu xạ bảo quản các sản phẩm công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng
  - Bán buôn thủy hải sản, các sản phẩm từ thịt
  - Buôn bán các mặt hàng nông sản.
- **Địa bàn kinh doanh:** Công ty hoạt động kinh doanh ở địa bàn tỉnh Bình Dương, Thành Phố Hồ Chí Minh, Vĩnh Long và Bắc Ninh.

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị:** Công ty tổ chức mô hình quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 137 Luật doanh nghiệp 2020 bao gồm:

  - Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc

+ **Cơ cấu bộ máy quản lý:** Theo sơ đồ tổ chức

# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

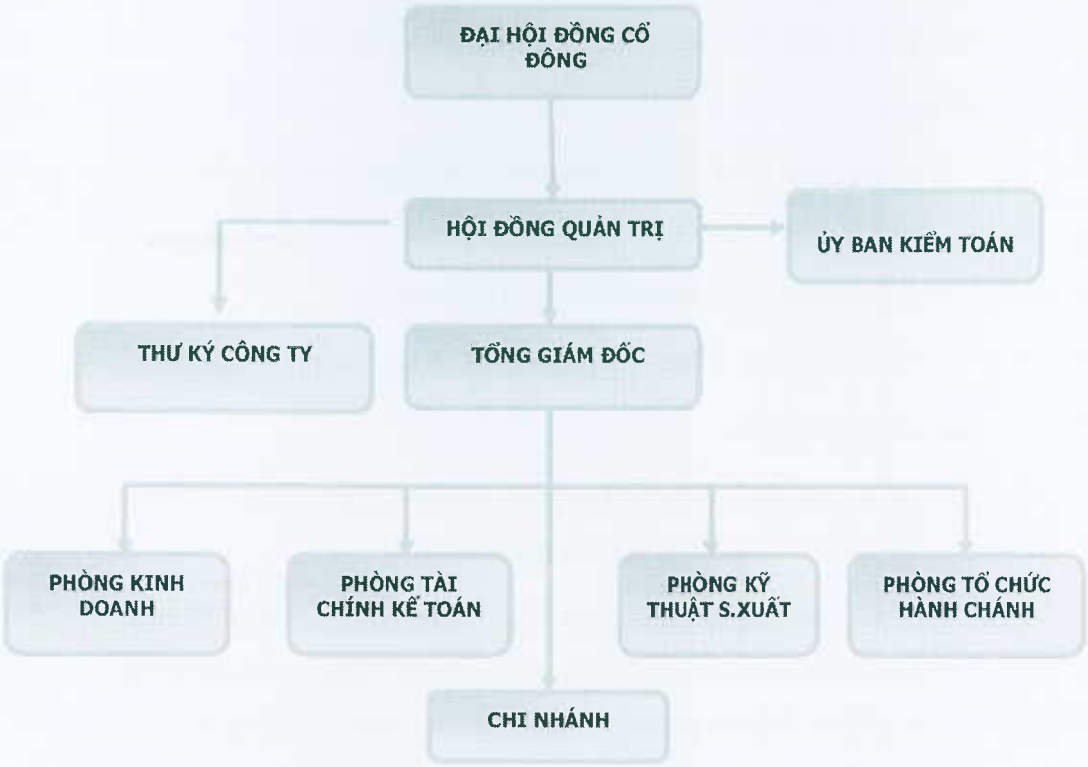


***Trụ sở công ty:***

- *Địa chỉ:119A/2, Tổ 4, khu phố 1B, phường An Phú, thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương*
- *Điện thoại: 0274-3713116* *Fax: 0274-3714036*

***Chi nhánh 01:***

- *Địa chỉ: Lô C1 và C2 Khu công nghiệp Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị Xã Bình Minh, Vĩnh Long*
- *Điện thoại: 02703-765886* *Fax: 02703-765887*

***Chi nhánh 02:***

- *Địa chỉ: Số 29, đường 9, Khu công nghiệp Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.*

***Chi nhánh 03:***

- *Địa chỉ : Lô E6-6, Lô E6-7, Đường D1 Khu Công Nghệ Cao, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh.*

## 4. Định hướng phát triển

### 4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

**Sứ mệnh và mục tiêu của Công ty CP Chiếu xạ An Phú:**

**Sứ mệnh:**

- Ứng dụng nguồn phóng xạ Cobalt 60, công nghệ E-beam (chùm tia điện tử) và X-ray (tia X) vào đời sống.
- Hướng đến dịch vụ hoàn hảo hơn cho khách hàng.
- Thực hiện tiêu chí : Cho thực phẩm Lành- Sạch- Ngon

**Mục tiêu, chiến lược:**

- ***Kinh doanh***: Đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ hàng hóa tiêu thụ nội địa góp phần thực thi tốt chính sách an toàn vệ sinh thực phẩm.
- ***Đầu tư***: Đầu tư nâng cấp lại máy móc thiết bị tại Nhà máy Bình Dương, đầu tư Nhà Máy chiếu xạ tại Bắc Ninh, đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu tại TPHCM đảm bảo an toàn sản xuất cũng như nâng cao năng suất hoạt động của Nhà máy.
- Định hướng tổng mức đầu tư cao để đảm bảo cho sự phát triển trong tương lai:

Trong giai đoạn 2018 - 2020, Công ty Chiếu Xạ An Phú đầu tư khoảng 25 triệu Euro vào việc mở rộng năng lực sản xuất cũng như đầu tư cho việc nghiên cứu và phát triển các sản phẩm và quy trình mới, bảo đảm thị phần trong các lĩnh vực kinh doanh chiến lược quan trọng.

**Công ty hiện nay đã và đang thực những nhiệm vụ quan trọng sau:**

- Đầu tư thêm chi nhánh mới, trang bị máy móc thiết bị hiện đại hàng đầu thế giới.
- Tham gia các hội thảo chuyên ngành, tiếp thu thêm những công nghệ mới. Tiếp xúc với các đối tác chiến lược và liên kết nghiên cứu ứng dụng sản phẩm, phát triển thị trường mới nhằm đa dạng hoá mặt hàng, ngành hàng có thể chiếu xạ theo kế hoạch để tăng doanh thu.
- Nâng cao hình ảnh thông qua việc quảng bá, tham gia hội chợ triển lãm giới thiệu dịch vụ

Kế hoạch kinh doanh năm 2024:

| Chỉ tiêu | Thành tiền |
|---|---|
| Doanh thu bán hàng và dịch vụ | 168.107.713.784 đồng |
| Lợi nhuận trước thuế: | 1.219.154.559 đồng |
| Lợi nhuận sau thuế | 975.323.647 đồng |

**4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.**

Tiếp tục duy trì và phát triển thêm dịch vụ chiếu xạ các mặt hàng thủy sản, nông sản, dược phẩm,...và nhiều mặt hàng khác có tiềm năng lớn trong tương lai.

Công ty đẩy mạnh chiếu xạ các sản phẩm có biên lợi nhuận cao như chiếu xạ sản phẩm đóng hộp, thiết bị y tế, đồ khô, gia vị,... Trong khi đó, chiếu xạ trái cây tươi chưa mang lại hiệu quả cao. Với quy mô chiếu xạ trái cây tươi còn thấp, mảng hoạt động này chưa mang lại hiệu quả cao cho công ty. Tuy nhiên, nhờ vào triển vọng ngành, Công ty sẽ có cơ hội rất lớn trong việc mở rộng thị phần cho mảng hoạt động này.

**Chiến lược sản phẩm:**

**Sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính của Công ty trong năm 2023**

**a. Dịch vụ Chiếu xạ thực phẩm**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là chiếu xạ các loại hàng hoá nhằm diệt vi sinh trên các loại thiết bị y tế, thực phẩm như: nông sản, trái cây, thủy hải sản..., đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm cho các loại thực phẩm sau khi qua các quy trình xử lý chiếu xạ.

Hiện nay trên thế giới có hơn 30 nước sử dụng công nghệ chiếu xạ thực phẩm để xử lý và bảo quản hơn 40 loại thực phẩm khác nhau bao gồm trái cây, rau, ngũ cốc, thịt, tôm cá, gia cầm... Đây là một công nghệ đảm bảo an toàn về mặt vệ sinh thực phẩm và rất kinh tế. Tuy vậy, công nghệ này chưa được sử dụng rộng rãi ở nước ta. Người tiêu dùng chưa được cung cấp đầy đủ thông tin về tính an toàn của thực phẩm chiếu xạ cũng như còn cảm giác e ngại vì thực phẩm liên quan đến chiếu xạ.

Những nghiên cứu này cho thấy thực phẩm chiếu xạ có những lợi ích sau:

- Thứ nhất chiếu xạ với liều thích hợp sẽ tiêu diệt được các vi khuẩn và vi sinh vật gây bệnh như E.coli, Trichina, Salmonella (vi khuẩn làm thực phẩm có tính độc)... có trong thịt và gia cầm hay các loại thực phẩm khác, ngăn chặn sự nảy mầm của khoai tây và tỏi, làm chậm quá trình chín của trái cây...
- Thứ hai, thực phẩm chiếu xạ không tiếp xúc với chất phóng xạ mà chỉ bị chiếu bởi tia gamma từ nguồn phóng xạ, do đó không thể trở thành "thực phẩm phóng xạ" được.
- Thứ ba, sau khi chiếu xạ, thực phẩm không xuất hiện bất kỳ độc tố nào và không có sự thay đổi các thành phần hóa học gây ảnh hưởng bất lợi đến sức khỏe con người.
- Thứ tư, chiếu xạ không làm giảm giá trị dinh dưỡng cũng như các vitamin trong thực phẩm, ngoài ra cũng không có thay đổi nào của acid amin và acid béo...
- Thứ năm, các nhà máy sử dụng công nghệ chiếu xạ thực phẩm vận hành theo đúng quy trình an toàn sẽ không gây hại gì đến môi trường xung quanh cũng như không gây ảnh hưởng bất lợi về sức khỏe của công nhân làm việc.

Đồng thời thực phẩm chiếu xạ cũng góp phần tạo ra nguồn thực phẩm sạch và do đó sẽ làm giảm những vụ ngộ độc thực phẩm tập thể đang rất hay xảy ra ở nước ta.

**b. Dịch vụ cho thuê kho lạnh:**

Ngoài hoạt động chiếu xạ, khử trùng thực phẩm, Công ty Chiếu xạ An Phú còn có hoạt động cho thuê kho lạnh. Kho lạnh của Công ty được thiết kế với công suất tối đa 3.000 tấn. Hiện tại công suất cho thuê kho lạnh tại Công ty đã đạt tối đa công suất hữu dụng 2.100 tấn, do nhu cầu thuê kho lạnh bảo quản hàng hóa của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu ngày càng tăng. Tiêu chuẩn lưu trữ kho lạnh đạt chất lượng cao, thu hút được sự ủng hộ của nhiều khách hàng trung thành, liên tục kể từ khi xây dựng hoàn thành. Năm 2011, Công ty đưa vào hoạt động thêm kho lạnh tại KCN Bình Minh với công suất thiết kế 1.000 tấn. Năm 2021, hệ thống kho lạnh tại Bắc Ninh đã hoàn thiện đưa vào sử dụng được thiết kế với công suất hữu dụng 4.000 tấn, nâng tổng công suất hữu dụng kho lạnh của toàn hệ thống lên 7.100 tấn.

**4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.**

- Đối với môi trường: Đảm bảo tiêu chí không gây ô nhiễm môi trường.
- Đối với xã hội và cộng đồng: Công ty thực hiện theo sứ mệnh: CHO THỰC PHẨM LÀNH – SẠCH – NGON

## 5. Các rủi ro:

### 5.1 Rủi ro về kinh tế:

Nền kinh tế luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro vốn có và nó tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến các thành phần kinh tế, ngành nghề hay cụ thể là các doanh nghiệp. Những rủi ro này được hình thành từ sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá v.v.....

### 5.2 Rủi ro về pháp luật.

Bên cạnh những rủi ro về điều kiện kinh tế vĩ mô, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của khuôn khổ luật pháp trong và ngoài nước. Rủi ro về pháp luật có tính hệ thống, có khả năng gây ảnh hưởng đến ngành và toàn nền kinh tế.

Hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ và còn nhiều quy định chồng chéo. Bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, với việc cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên HOSE - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty còn phải tuân thủ theo các quy định của Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng với các quy định pháp luật liên quan khác.

### 5.3 Rủi ro về môi trường

Ngày nay, nguồn bức xạ đang được ứng dụng ở nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội. Qua khảo sát cho thấy, một số ứng dụng của nguồn bức xạ rất thiết thực và hiệu quả. Lợi ích của nguồn bức xạ mang lại, nó cũng có thể gây ra những mối nguy hiểm lớn ảnh hưởng tới sức khỏe con người và môi trường nếu quản lý và phòng ngừa không tốt. Các mối nguy hiểm và rủi ro mà nguồn bức xạ gây ra có hiệu ứng sinh học nhất định và ngẫu nhiên, mức độ xảy ra phụ thuộc vào liều bức xạ, chính điều này làm cho vấn đề đảm bảo an toàn phải tuân quy định của các cơ quan ban ngành có liên quan đến lĩnh vực này.

Đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty là sử dụng thiết bị chiếu xạ và nguồn bức xạ cho việc chiếu xạ các sản phẩm trái cây, thủy hải sản, thực phẩm...Vì vậy hoạt động của Công ty phải chịu sự giám sát của các cơ quan chức năng như Bộ khoa học và công nghệ, Cục kiểm soát và An toàn bức xạ, hạt nhân. Khi tiến hành sản xuất kinh doanh, Công ty phải xin giấy phép cho việc sử dụng thiết bị chiếu xạ và nguồn xạ. Giấy phép này có thời hạn sử dụng trong vòng 05 năm, do Bộ Khoa học Công nghệ cấp. Từ khi thành lập cho đến nay, Công ty luôn sử dụng thiết bị và nguồn xạ đúng với mục đích hoạt động kinh

doanh của mình, tuân thủ chặt chẽ, nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước về việc sử dụng thiết bị chiếu xạ và nguồn bức xạ, không để xảy ra các trường hợp gây hại đến môi trường. Ngoài ra, Công ty luôn nhận được sự giúp đỡ, hướng dẫn của các cơ quan có chức năng quản lý. Vì vậy, rủi ro liên quan đến việc sử dụng thiết bị và nguồn xạ là rất thấp và luôn được Công ty sử dụng phù hợp với quy định của Nhà nước

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

**+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:**

Năm 2023, tình hình kinh tế trong nước và thế giới gặp nhiều diễn biến phức tạp nhưng với sự quyết tâm và nỗ lực hết mình, Công ty CP Chiếu xạ An Phú đã phấn đấu để đạt được các chỉ tiêu dưới đây:

| Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|
| **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **VI.1** | **117.910.322.495** | **135.739.780.744** |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | | |
| **3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | | **117.910.322.495** | **135.739.780.744** |
| 4. Giá vốn hàng bán | VI.2 | 92.509.685.062 | 90.846.764.698 |
| **5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | | **25.400.637.433** | **44.893.016.046** |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | VI.3 | 4.594.616.624 | 5.567.647.527 |
| 7. Chi phí tài chính | VI.4 | 32.044.190.850 | 26.330.647.668 |
| *- Trong đó: Chi phí lãi vay* | | *31.840.194.487* | *26.008.900.412* |
| 8. Chi phí bán hàng | VI.5 | 4.832.639.449 | 5.885.626.283 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | VI.6 | 27.968.518.839 | 27.250.138.940 |
| **10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** | | **(34.850.095.081)** | **(9.005.749.318)** |
| 11. Thu nhập khác | | 171.506.771 | 1.556.178 |
| 12. Chi phí khác | | 265.147.867 | 2.898.415 |
| **13. Lợi nhuận (lỗ) khác** | | **(93.641.096)** | **(1.342.237)** |
| **14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | | **(34.943.736.177)** | **(9.007.091.555)** |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | V.13 | 665.320.184 | |
| 16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - |
| **17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** | | **(35.609.056.361)** | **(9.007.091.555)** |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | VI.7 | (1.789) | (453) |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | VI.7 | (1.789) | (453) |

**Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

| STT | CHỈ TIÊU | Kế hoạch 2023 | Thực hiện 2023 | Thực hiện 2022 | So sánh với KH 2023 | Tăng/ giảm so với 2022 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 167.379.128.106 | 117.910.322.495 | 135.739.780.744 | 70,45% | (13,14)% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 1.353.483.947 | (34.943.736.177) | (9.007.091.555) | (2581,76)% | (287,96)% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 1.082.787.157 | (35.609.056.361) | (9.007.091.555) | (3288,65)% | (295,34)% |

Kết quả thực hiện của năm 2023 về doanh thu đạt 117.910.322.495 đồng, tương ứng thực hiện 70,45% so kế hoạch đặt ra, lợi nhuận sau thuế ghi nhận mức lỗ 35.609.056.361 đồng. So sánh với kết quả kinh doanh năm 2022 thì doanh thu giảm 17.829.458.249 đồng, tương ứng mức giảm 13,14% và lợi nhuận sau thuế giảm thêm 26.601.964.806 đồng, tương ứng với mức giảm 295,34% so với cùng kỳ. Kết quả kinh doanh năm 2023 không đạt so với kế hoạch bởi những nguyên nhân chính sau đây:

- Thứ nhất là trong năm 2023, tình hình kinh tế trong nước vẫn chưa thoát khỏi tình trạng trì trệ từ những khó khăn của các năm trước đó. Kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn và còn nhiều bất ổn về địa chính trị, chính sách tiền tệ thắt chặt và lạm phát các nước vẫn còn duy trì ở mức cao, mất ổn định về chuỗi cung ứng và tổng cầu phục hồi yếu cũng làm suy giảm nhu cầu dẫn đến hoạt động xuất nhập khẩu phục hồi chậm. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì giá trị xuất khẩu thủy sản năm 2023 đạt 8,98 tỷ USD giảm 17,8% so với cùng kỳ năm 2022. Giá trị xuất khẩu thủy sản giảm cũng ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng chiếu xạ và làm giảm doanh thu của Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú trong năm 2023.

- Thứ hai là mặt bằng lãi suất cho vay của ngành ngân hàng trong năm 2023 vẫn duy trì ở mức cao trong khi đó lãi suất huy động thì đang giảm dần. Các khoản vay ngân hàng để tài trợ cho các Dự án Nhà máy chiếu xạ của công ty cũng làm chi phí tài chính của Công ty tăng lên đáng kể. Trong đó, chủ yếu chi phí lãi vay trong năm 2023 của công ty tăng 5.831.294.075 đồng, tương ứng mức tăng 22,42% và thu nhập đến từ lãi tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn cũng giảm 17,48% so với năm 2022, điều này cũng góp phần làm giảm lợi nhuận.

- Thứ ba là nhà máy chiếu xạ Bắc Ninh đã được nghiệm thu và đã đi vào hoạt động ổn định để khai thác thị trường Miền Bắc. Tuy nhiên, doanh thu chưa tăng trưởng như kỳ vọng, đang trong giai đoạn đầu bù đắp chi phí hoạt động của Chi nhánh 02 tại Bắc Ninh. Trong đó, chủ yếu là do chi phí khấu hao trong những năm đầu đi vào hoạt động còn cao và chi phí lãi vay phát sinh.

Đây là các nguyên nhân chính dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2023 chưa đạt như kế hoạch đề ra.

## 2. Tổ chức và nhân sự:

### ✦ DANH SÁCH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

| Bà: **VÕ THÙY DƯƠNG** | | | |
|---|---|---|---|
| Giới tính | Nữ | Nơi sinh | Tp. HCM |
| Ngày tháng năm sinh | 02/06/1991 | Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Tp.HCM | Quốc tịch | Việt Nam |
| Số CCCD | 079191024005 | | |
| Địa chỉ thường trú | 118/75 Bạch Đằng, P.24, Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh | | |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân QTKD & DN | | |
| Quá trình công tác:<br>-Từ Tháng 12/2014 – 31/01/2015: Làm việc tại Công ty cổ phần Chiếu Xạ An Phú với cương vị Phó Tổng Giám Đốc công ty.<br>- Từ 1/2/2015 – 5/2/2015: Tổng Giám đốc Công ty Cp Chiếu xạ An Phú<br>- Từ 6/2/2015- 24/07/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cp Chiếu xạ An Phú<br>- Từ 24/07/2020 - Nay: Thành Viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cp Chiếu xạ An Phú | | | |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Thành Viên HĐQT kiêm TGĐ | | |
| Số cổ phần nắm giữ<br>+ Số cổ phần sở hữu cá nhân<br>+ Số cổ phần đại diện | 8.052.920 cổ phần (tỷ lệ 40.46% VĐL)<br>8.052.920 cổ phần (tỷ lệ 40.46% VĐL)<br>0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) | | |

| Ông : **VÕ THÁI SƠN** | | | |
|---|---|---|---|
| Giới tính | Nam | Nơi sinh | Tp. HCM |
| Ngày tháng năm sinh | 23/05/1995 | Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Tp. HCM | Quốc tịch | Việt Nam |
| Số CCCD | 079095030739 | | |
| Địa chỉ thường trú | 439 Phạm Thế Hiển, P.3, Q.8, Tp. Hồ Chí Minh | | |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân QTKD & DN | | |

Quá trình công tác:

- Từ 8/2017 – 24/07/2020 : Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT Công ty Cp Chiếu xạ An Phú
- Từ 24/07/2020 – 04/05/2022: Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cp Chiếu xạ An Phú
- Từ 04/05/2022 – 28/04/2023: Thành Viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cp Chiếu xạ An Phú
- Từ 28/04/2023 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cp Chiếu xạ An Phú

| | |
|---|---|
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Phó Tổng Giám Đốc |
| Số cổ phần nắm giữ | 800.000 cổ phần (tỷ lệ 4.02% VĐL) |
| + Số cổ phần sở hữu cá nhân | 800.000 cổ phần (tỷ lệ 4.02% VĐL) |
| + Số cổ phần đại diện | 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) |

## ❖ KẾ TOÁN TRƯỞNG

| **Bà: NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG** | | | |
|---|---|---|---|
| Giới tính | Nữ | Nơi sinh | Long An |
| Ngày tháng năm sinh | 01/01/1979 | Dân tộc | Kinh |
| Số CCCD | 080179014005 | | |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế | | |

| | |
|---|---|
| Quá trình công tác:<br>- Từ 12/2003 đến 03/2007: Kế toán trưởng Công ty TNHH Kim Phong Hưng<br>- Từ 05/2007 đến 02/2011: Kế toán trưởng Công ty TNHH TM PTCN Hoa Hướng Dương<br>- Từ 03/2011 đến 09/2012: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Trung Tâm Phân Phối Happy Cook<br>- Từ 10/2012 đến 09/2018: Kế toán trưởng Công ty TNHH Truyền Hình Cáp Saigontourist tỉnh Long An<br>- Từ 02/2020 đến 04/2021: Kế toán trưởng Công ty TNHH Truyền Thông 3T<br>- Từ 06/2021 – 10/2022: Kế toán trưởng Công ty CP Chiếu Xạ An Phú<br>- Từ 03/2023 – nay: Kế toán trưởng Công ty CP Chiếu Xạ An Phú | |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Kế toán trưởng |

- **Những thay đổi trong ban điều hành:** Ngày 08/03/2023 bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung giữ chức vụ kế toán trưởng
- **Số lượng cán bộ nhân viên:** Tại ngày 31/12/2023 là 227 người, (tại ngày 31/12/2022 là 233 người).

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

**a.** Các khoản đầu tư đầu tư lớn:

- Dự án xây dựng nhà máy chiếu xạ An Phú- Chi nhánh 02 tại Bắc Ninh:

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh 02 tại Bắc Ninh.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 được UBND Tỉnh Bắc Ninh, ban quản lý các KCN cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án Nhà máy chiếu xạ An Phú

Ngày 28 tháng 12 năm 2018 Bộ Khoa học và công nghệ, Cục an toàn bức xạ và hạt nhân cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (Xây dựng cơ sở bức xạ) cho Công ty tại tỉnh Bắc Ninh.

Theo tiến độ thực hiện dự án:

- Từ tháng 10/2018 đến tháng 6/2020: xây dựng văn phòng nhà xưởng
- Tháng 7/2020 đến tháng 12/2020: lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành chạy thử.
- Tháng 1/2021: Chính thức đi vào hoạt động.

Tuy nhiên từ tháng 12/2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp nên ảnh hưởng đến tiến độ của dự án Nhà máy chiếu xạ tại Bắc Ninh.

Dây chuyền máy chiếu xạ đã lắp xong thiết bị, dự kiến chạy thử và đi vào hoạt động ngày 01/04/2021. Đây là dây chuyền hiện đại, tự động hóa cao, nên ngoài chuyên gia đến từ Châu Âu ra, kỹ sư của các nước khác không thể thay thế ở giai đoạn chạy nóng, vận hành chính thức này.

Theo đó, do đại dịch Covid-19, nước Ý ban hành chính sách phong tỏa, Việt Nam cũng dừng miễn cấp thị thực từ ngày 2/3/2020. Chuyên gia công nghệ kỹ thuật cao không thể sang Việt Nam nên dây chuyền bị chậm tiến độ so với tiến độ chung của dự án.

Ngay sau khi đại dịch Covid-19 được kiểm soát, chuyên gia đã sang để vận hành, đưa dây chuyền chiếu xạ vào hoạt động.

Tháng 5/2021 hạng mục kho lạnh đã hoàn thiện để đưa vào sử dụng. Chính thức nhận hàng lưu kho.

Quý 2/2021 Nhà máy chiếu xạ Bắc Ninh đã được nghiệm thu và đưa vào hoạt động để khai thác thị trường Miền Bắc.

Từ năm 2023, Nhà máy chiếu xạ Bắc Ninh bắt đầu có đóng góp khá tốt vào kết quả kinh doanh trong các năm về sau.

- Dự án Trung tâm nghiên cứu và phát triển ứng dụng công nghệ chiếu xạ (APIRA):

Ngày 22/11/2020 được Ban quản lý Khu Công Nghệ Cao Thành Phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư .

Ngày 27/12/2020 chính thức ký Hợp đồng thuê đất với ban Quản Lý Khu Công Nghệ Cao Thành Phố Hồ Chí Minh.

Tháng 03/2021: Thành lập Công Ty CP Chiếu Xạ An Phú - Chi nhánh 03 tại Tại Khu Công Nghệ Cao, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hiện đang triển khai và hoàn thành các thủ tục cần thiết. Thực hiện theo chủ trương của ĐHĐCĐ năm 2018 đã thông qua.

Do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 làm trì hoãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư nên việc huy động vốn của Công ty đã điều chỉnh lại theo thời gian thực hiện dự án (từ quý 3 năm 2023 đến quý 4 năm 2024).

**b.** Các công ty con, công ty liên kết: Không có

## 4. Tình hình tài chính

### a. Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | % tăng giảm |
|---|---|---|---|
| Tổng giá trị tài sản | 973.918.540.819 | 890.474.467.592 | (8,57)% |
| Doanh thu thuần | 135.739.780.744 | 117.910.322.495 | (13,14)% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | (9.005.749.318) | (34.850.095.081) | (286,98)% |
| Lợi nhuận khác | (1.342.237) | (93.641.096) | (6876,49)% |
| Lợi nhuận trước thuế | (9.007.091.555) | (34.943.736.177) | (287,96)% |
| Lợi nhuận sau thuế | (9.007.091.555) | (35.609.056.361) | (295,34)% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | - | - | - |

### b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

| Các chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| *1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán* | | | |
| □ **Hệ số thanh toán ngắn hạn:** | | | |
| TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | 2,77 | 1,13 | |
| □ **Hệ số thanh toán nhanh:** | | | |
| (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | 2,77 | 1,12 | |
| *2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn* | | | |
| □ Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,36 | 0,34 | |
| □ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,56 | 0,51 | |
| *3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động* | | | |
| □ Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 0,14 | 0,13 | |
| *4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời* | | | |
| □ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | (0,07) | (0,3) | |
| □ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | (0,01) | (0,06) | |
| □ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | (0,01) | (0,04) | |
| □ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | (0,07) | (0,3) | |

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a. Cổ phần:

**Tổng số lượng cổ phần: 20.121.395 cổ phần.** Trong đó:

Số lượng cổ phần đang lưu hành: 19.905.025 cổ phần

Số lượng cổ phiếu quỹ: 216.370 cổ phần.

Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 20.121.395 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

**b. Cơ cấu cổ đông: Theo danh sách chốt gần nhất**

- **Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí sở hữu:**

| STT | Danh mục | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| 1 | Cổ đông sở hữu từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết trở lên | 15.383.294 | 77.28% |
| 2 | Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết | 1.348.340 | 6.77% |
| 3 | Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết | 3.173.391 | 15.95% |
| | **Tổng cộng** | **19.905.025** | **100%** |

- **Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn trong nước:**

| STT | Tên cổ đông | Địa chỉ | Ngành nghề hoạt động | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Võ Thùy Dương | 22B/9 Lam Sơn, Phường 2, Q. Tân Bình, Tp.HCM | - | 8.052.920 | 40.46% |
| 2 | Công Ty TNHH Thái Sơn | Lô 2.10B, KCN Trà Nóc 2, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, Tp. Cần Thơ | Chiếu xạ | 4.459.654 | 22.40% |
| | **Tổng Cộng** | | | **12.512.574** | **62.86%** |

- **Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài:**

| STT | Danh mục | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|
| 1 | Cổ đông sở hữu từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết trở lên | 2.870.720 | 14,42% |
| 2 | Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết | - | 0% |
| 3 | Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết | 177.880 | 0.89% |
| | **Tổng cộng** | **3.048.600** | **15.31%** |

- **Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Địa chỉ | Ngành nghề hoạt động | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TORUS CAPITAL INVESTMENTS PTE. LTD. | 96 ROBINSON ROAD # 11-04 SIF BUILDING SINGAPORE (068899) | - | 2.870.720 | 14.42% |
| | **Tổng Cộng** | | | **2.870.720** | **14.42%** |

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông Nhà nước: Không có
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

**c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Để đáp ứng cho sự tăng trưởng và phát triển, Công ty cổ phần chiếu xạ An Phú đã thực hiện các đợt tăng vốn. Cụ thể như sau:

*Đvt: 1.000 đồng*

| Lần | Thời gian hoàn thành đợt phát hành | Vốn điều lệ tăng thêm | Vốn điều lệ sau phát hành | Hình thức phát hành | Đơn vị cấp |
|---|---|---|---|---|---|
| Thành lập | | | 50.000.000 | | Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp; |
| Lần 1 | 10/01/2007 | 10.000.000 | 60.000.000 | Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu | Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp |
| Lần 2 | 07/05/2007-10/07/2007 | 12.000.000 | 72.000.000 | Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu | Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Lần 3 | Tháng 12/2007 | 14.400.000 | 86.400.000 | Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu | Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp |
| Lần 4 | Tháng 6/2010(*) | 28.080.000 | 114.480.000 | Phát hành chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu | UBCKNN |
| Lần 5 | Năm 2014 | 5.724.000 | 120.204.000 | Phát hành cho cán bộ công nhân viên, HĐQT và BKS | UBCKNN |
| Lần 6 | Năm 2019 | 81.009.950 | 201.213.950 | Phát hành chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu | UBCKNN |

**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 216.370 cổ phần

Giao dịch trong năm: Không có

**e. Các chứng khoán khác: Không**

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

**6.1. Tác động lên môi trường:**

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

**6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Do đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty là sử dụng thiết bị chiếu xạ và nguồn bức xạ cho việc chiếu xạ các sản phẩm trái cây, thủy hải sản, thực phẩm...Vì vậy hoạt động của Công ty phải chịu sự giám sát của các cơ quan chức năng như Bộ khoa học và công nghệ, Cục kiểm soát và An toàn bức xạ, hạt nhân. Khi tiến hành sản xuất kinh doanh, Công ty phải xin giấy phép cho việc sử dụng thiết bị chiếu xạ và nguồn xạ. Giấy phép này có thời hạn sử dụng trong vòng năm 05 năm, do Bộ Khoa học Công nghệ cấp. Từ khi thành lập năm 2003 cho đến nay, Công ty luôn sử dụng thiết bị và nguồn xạ đúng với mục đích hoạt động kinh doanh của mình, tuân thủ chặt chẽ, nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước về việc sử dụng thiết bị chiếu xạ và nguồn bức xạ, không để xảy ra các trường hợp gây hại đến môi trường. Ngoài ra, Công ty luôn nhận được sự giúp đỡ, hướng dẫn của các cơ quan có chức năng quản lý.

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: 99% rác thải nhựa, pallet gỗ được thu gom, phân loại, tái chế và xử lý bởi đơn vị có chức năng xử lý.

**6.3. Tiêu thụ năng lượng:**

**a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:**

| STT | Tổng lượng điện sử dụng trong năm 2023 (Kwh) | Nguồn cung cấp điện |
|---|---|---|
| Bình Dương | 2.381.530 | Công Ty điện Lực Bình Dương- điện Lực Thuận An |
| CN Vĩnh Long | 1.439.600 | Tổng công ty điện lực Miền Nam |
| CN Máy Bắc Ninh | 2.093.333 | Công ty Điện Lực Bắc Ninh - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc |

**b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả**

- Sử dụng hệ thống điều hòa công nghệ inverter tiết kiệm năng lượng điện.
- Theo dõi đồng hồ đo đếm điện tại từng nhà máy hàng ngày để kiểm soát lượng điện năng tiêu thụ và ngăn chặn các rủi ro bất thường về điện có thể xảy ra.

- Thay các loại bóng đèn tiết kiệm điện ở các khu vực nhà máy, tòa nhà văn phòng và các khu hành lang,.....

- Bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống cơ điện để các thiết bị hoạt động tốt nhất, nhằm làm giảm chi phí điện năng và kéo dài tuổi thọ của máy móc thiết bị.

**c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:** Không có

**6.4. Tiêu thụ nước:** Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm 2023

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng tại các nhà máy của Công ty như sau:

| STT | Tổng lượng nước sử dụng trong năm 2023 (m3) | Nguồn cung cấp nước |
|---|---|---|
| Bình Dương | 156 | Công ty cổ phần nước - môi trường Bình Dương |
| CN Vĩnh Long | 4.832 | Công ty TNHH cấp nước Bình Minh |
| CN Bắc Ninh | 12.724 | Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh |

**6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

**6.6. Chính sách liên quan đến người lao động**

**a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.**

- Số lượng lao động: Tại ngày 31/12/2023 là 227 người

- Mức lương bình quân: Thu nhập bình quân mỗi nhân viên tính đến thời điểm 31/12/2023 khoảng 10.000.000 đồng/tháng/người. Đây là mức thu nhập tương đối phù hợp so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành. Điều này cho thấy chính sách đãi ngộ đối với người lao động và hiệu quả sử dụng lao động của Công ty tốt.

**b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.**

**Chế độ làm việc**

*Thời gian làm việc:* Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú luôn quan tâm đến chính sách đối với người lao động. Số giờ làm việc trong tuần là 48 tiếng/tuần. Một ngày 3 ca, số giờ mỗi ca 8 tiếng. Môi trường làm việc trong nhà máy tuân thủ theo các quy định tiêu chuẩn ngành.

*Bảo hộ lao động:* Người lao động được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động, đối với công nhân làm việc trong kho lạnh còn được trang bị đồ bảo hộ chống lạnh theo đúng quy định. Bên cạnh đó, các quy định về phòng cháy chữa cháy được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt

*Chế độ khám sức khoẻ cho người lao động:* Trong năm, Công ty thực hiện ký hợp đồng đo liều bức xạ cho công nhân lao động trực tiếp. Công ty cũng đã ký hợp đồng với Trung tâm lao động – Sức khoẻ - Môi trường – Sở y tế tỉnh Bình Dương đến khám sức khoẻ cho định kỳ cho người lao động.

**Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

*Chính sách lương:* Lương của công nhân trực tiếp sản xuất bao gồm tiền lương căn bản và lương dựa trên năng suất và hiệu quả lao động, ngoài ra công nhân còn được nhận các khoản phụ cấp khác tùy theo tính chất công việc. Đối với lao động ngoài giờ thì Công ty sẽ trả lương ngoài giờ cho người lao động. Làm thêm giờ ngày làm việc bình thường tính lương hệ số 150%, làm thêm giờ ngày nghỉ trong tuần hệ số 200%, làm thêm giờ ngày lễ hệ số 300%. Chính sách tăng lương sẽ được thực hiện theo quy chế của Công ty.

*Chính sách khen thưởng:* Công ty áp dụng chế độ khen thưởng đối với nhân viên khi có sáng kiến, giải pháp hữu ích mang lại hiệu quả thiết thực, hoặc khi người lao động hoàn thành công việc với tinh thần trách nhiệm cao, vượt năng suất

*Chế độ phúc lợi:* Công ty luôn đóng đầy đủ Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội cho người lao động theo đúng chế độ của Luật Lao động. Bên cạnh đó Công ty còn có các chế độ phụ cấp khác nhau dành cho người lao động: Phụ cấp ăn giữa ca: 35.000 đồng/suất, phụ cấp nhà ở, xăng xe đi lại tùy theo đối tượng công việc.

Ngoài ra, Công ty đã tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao giao lưu với các đơn vị bạn nhằm xây dựng phong trào vui khoẻ, nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, làm tác động tốt đến năng suất lao động tại Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động

tham quan du lịch hằng năm cũng được duy trì theo tiền lệ. Công ty dùng nguồn quỹ phúc lợi tổ chức cho tất cả CBCNV tham quan du lịch trong và ngoài nước tạo điều kiện tái tạo sức khoẻ cho người lao động tại Công ty.

**c. Hoạt động đào tạo người lao động**

**Chính sách tuyển dụng và đào tạo cho người lao động**

*Tuyển dụng:* Công ty luôn quan tâm đến công tác tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng về chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề nhằm đảm bảo cho sự phát triển của Công ty. Tùy theo yêu cầu công việc của từng phòng ban, bộ phận mà Công ty xây dựng các tiêu chí tuyển dụng cụ thể đáp ứng yêu cầu chung là trình độ chuyên môn, tay nghề cao, nhiệt tình và năng động.

*Công tác đào tạo:* Định kỳ 2 năm/lần Công ty mở lớp tập huấn An Toàn Bức Xạ do giảng viên của Cục An toàn bức xạ đào tạo. Bên cạnh đó, Công ty còn cấp kinh phí cho cán bộ quản lý tham gia các lớp học quản lý ngắn hạn. Đối với công nhân kỹ thuật Công ty có chính sách hỗ trợ về kinh phí và thời gian để công nhân có thể vừa học vừa làm.

Trong năm Công ty cũng đã thực hiện kế hoạch nâng cao trình độ chuyên môn quản lý cho những cán bộ chủ chốt tại trung tâm đào tạo nguồn nhân lực cao cấp PACE, kế hoạch này đem lại nhiều hiệu quả tích cực trong công tác nghiệp vụ, và có tác động khá tốt động sức phấn đấu, vươn lên của đội ngũ quản trị Công ty Chiếu xạ An Phú.

**6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.**

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty đã xây dựng kế hoạch năm 2023 dựa trên cơ sở kết quả kinh doanh của năm 2022 và kết hợp với tình hình thực tế tại thời điểm 2023. Kết quả thực hiện so với kế hoạch được thể hiện theo bảng dưới đây:

| STT | CHỈ TIÊU | Kế hoạch 2023 | Thực hiện 2023 | Tỷ lệ % thực hiện/ kế hoạch |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 167.379.128.106 | 117.910.322.495 | 70,45% |
| 2 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 1.353.483.947 | (34.943.736.177) | (2581,76)% |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 3 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.082.787.157 | (35.609.056.361) | (3288,65)% |

Theo đó, năm 2023 công ty đã thực hiện với doanh thu là 117.910.322.495 đồng, thực hiện được 70,45% so với kế hoạch đặt ra và ghi nhận mức lỗ 34.943.736.177 đồng. Trong đó nguyên nhân cơ bản chủ yếu đến từ việc chi phí lãi vay trong năm tăng 5.831.294.075 đồng, tương ứng mức tăng 22,42% so với năm 2022, và doanh thu hoạt động tài chính giảm 973.030.903 đồng, tương ứng 17,48% kéo theo lợi nhuận trong năm 2023 không đạt như kế hoạch đặt ra.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các ảnh hưởng về tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy những biến động lớn của kinh tế trong nước và thế giới đã ảnh hưởng rất lớn đến Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc không thể ước tính được một cách hợp lý những tác động này đến Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

## 2. Tình hình tài chính:

### a. Tình hình tài sản:

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu, tài sản ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh):

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | Tăng/giảm (%) |
|---|---|---|---|
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.528.433.207 | 6.478.702.371 | 43,07% |
| 2. Các khoản phải thu ngắn hạn | 129.614.648.206 | 90.472.931.784 | (30,20)% |
| 3. Hàng tồn kho | 562.266.698 | 668.589.590 | 18,91% |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 4.105.780.534 | 8.626.056.034 | 110,10% |
| 5. Các khoản phải thu dài hạn | 10.348.350.000 | 10.348.350.000 | 0,00% |
| 6. Tài sản cố định | 647.653.495.034 | 645.017.505.369 | (0,41% |
| 7. Tài sản dở dang dài hạn | 2.416.605.041 | 78.000.000 | (96,77)% |
| 8. Tài sản dài hạn khác | 70.726.390.404 | 106.132.752.692 | 50,06% |

Tại ngày 31/12/2023, chỉ tiêu tiền và tương đương tiền tăng 1.950.269.164 đồng, tương ứng tăng 43,07%. Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 39.141.716.422 đồng, tương ứng

giảm 30,20% so với cùng kỳ. Trong năm 2023, Công ty kết chuyển chi phí xây dựng cơ bản dở dang dự án Văn phòng đại diện tại TPHCM.

**b. Tình hình nợ phải trả:**

– **Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:**

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | % tăng giảm |
|---|---|---|---|
| 1. Nợ ngắn hạn | 87.491.454.973 | 114.056.438.107 | 30,36% |
| 2. Nợ dài hạn | 260.177.108.882 | 185.777.108.882 | (28,60)% |
| 3. Vốn chủ sở hữu | 626.249.976.964 | 590.640.920.603 | (5,69)% |
| **Tổng nguồn vốn** | 973.918.540.819 | 890.474.467.592 | (8,57)% |

Tổng nguồn vốn giảm 83.444.073.227 đồng, tương ứng giảm 8,57% so với cùng kỳ. Trong đó chỉ tiêu nợ ngắn hạn tăng 26.564.983.134 đồng, tương ứng tăng 30,36%. Nợ dài hạn giảm 74.400.000.000 đồng, tương ứng giảm 28,60%, nguyên nhân chủ yếu là do trong năm công ty đã kết chuyển từ vay và nợ dài hạn sang ngắn hạn với số tiền 74.400.000.000 đồng.

Trong năm 2023, Công ty đã trích lập dự phòng bổ sung số tiền 617.576.610 đồng, có ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá tuy nhiên mức độ ảnh hưởng không đáng kể.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Các biện pháp kiểm soát: Thiết lập được các quy trình tiêu chuẩn trong quản lý, áp dụng qua thực tiễn thu hoạch được nhiều kết quả khả quan: Không thất thoát doanh thu, giảm chi phí kinh doanh, số liệu chính xác minh bạch và kịp thời.

Mặc dù năm 2023 là một năm đầy khó khăn do ảnh hưởng tình hình dịch Covid19 trong các năm trước và nhiều biến động bất ngờ từ thị trường tài chính trong nước và trên thế giới, nhưng nhờ sự lãnh đạo của Ban điều hành cũng như định hướng tốt của HĐQT, Công ty đã cố gắng kiểm soát các hoạt động bằng các biện pháp cụ thể như sau:

- Luôn tập trung chăm sóc khách hàng tốt nhất nên gia tăng được số lượng khách hàng mới, duy trì được các khách hàng cũ.
- Tìm mọi cách cải tiến kỹ thuật nâng cao công suất chiếu xạ của nhà máy, đáp ứng mọi yêu cầu kỹ thuật từ phía khách hàng, và làm thỏa mãn được mong muốn của họ.
- Quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tối đa hóa lợi nhuận.
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình kiểm soát nội bộ.

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- Các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

- Doanh thu bán hàng và dịch vụ: 168.107.713.784 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 1.219.154.559 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 975.323.647 đồng

- Định hướng phát triển ứng dụng công nghệ chiếu xạ vào thực tiễn:

- Tập trung nghiên cứu và phát triển ứng dụng chiếu xạ mục đích bảo quản các mặt hàng nông sản, thủy sản.
- Tìm kiếm và phát triển ứng dụng chiếu xạ trong lĩnh vực dụng cụ y tế.
- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ chiếu xạ để kết hợp sản xuất các sản phẩm từ phụ phẩm nông nghiệp.

**5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không có

**6. Báo cáo đánh giá liên quan trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:** Không có

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Công ty luôn bám sát vào lĩnh vực ngành nghề kinh doanh phù hợp với giai đoạn phát triển của Công ty. Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT theo chiến lược phát triển mà ĐHĐCĐ đề ra.

Luôn duy trì tình hình tài chính công khai, minh bạch, chính xác và đúng theo các quy định của pháp luật luật. Quản trị tốt dòng tiền để vượt qua các giai đoạn khó khăn của nền kinh tế.

Thường xuyên kiểm soát chặt chẽ chất lượng cung cấp dịch vụ, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, chính sách trả lương, thưởng nhân viên.

Nâng cao trách nhiệm cá nhân, phát huy sự năng động sáng tạo, chấp hành tốt nội quy, quy chế của Công ty. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước và người lao động trong Công ty.

Giữ vững được các khách hàng truyền thống, phát triển khách hàng mới, do đó tạo được nguồn việc làm ổn định cho người lao động.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị giao quyền cho Tổng giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc thông qua hệ thống các báo cáo tổng hợp, chi tiết và các kỳ họp Hội đồng quản trị. Kết thúc năm 2023, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng quản trị đề ra.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

HĐQT nỗ lực hết sức mình trong việc định hướng chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty, tăng cường công tác quản trị, hỗ trợ kịp thời hoạt động kinh doanh của Ban điều hành để mọi hoạt động của Công ty tiếp tục hoàn thiện với mục tiêu phát triển bền vững.

Tìm kiếm cơ hội đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh trong các lĩnh vực Công ty có thế mạnh, kết hợp với việc nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao cho khách hàng.

Tối đa hóa lợi ích cho Cổ đông, kết hợp với việc đảm bảo thu nhập và chăm sóc quyền lợi chính đáng cho người lao động. Không ngừng tìm tòi các giải pháp để nâng cao giá trị cổ phiếu và uy tín của Công ty trên thị trường chứng khoán.

Xây dựng Công ty hướng tới sự phát triển bền vững, thực hiện đúng Pháp luật, hài hoà lợi ích của các Nhà đầu tư và người lao động.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

**1. Hội đồng quản trị**

**a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:**

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu | Thành viên độc lập | Thành viên không điều hành | Thành viên khác | Số lượng chức danh TV HĐQT ở cty khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Ông Huỳnh Ngọc Hậu | Chủ tịch | 0% | | | | 0 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Bà Võ Thuỳ Dương | Ủy viên | 40,46% | | | | 1 |
| 3 | Bà Lê Thị Mỹ Duyên | Ủy viên | 2.75% | | | | |
| 4 | Bà Huỳnh Thị Bích Loan | Ủy viên | 0% | X | X | | 0 |
| 5 | Bà Phạm Thị Lượng | Ủy viên | 0% | X | X | | 0 |

- ***Chi tiết như sau:***

| **Ông: HUỲNH NGỌC HẬU** | | | |
|---|---|---|---|
| Giới tính | Nam | Nơi sinh | Bình Thuận |
| Ngày tháng năm sinh | 18/11/1981 | Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Quảng Ngãi | Quốc tịch | Việt Nam |
| Số CCCD | 060081000146 | | |
| Địa chỉ thường trú | C5-01, KDC An Thới, Tổ 12, KV2, CMT8, P Bùi Hữu Nghĩa, Q Bình Thủy, Tp. Cần Thơ | | |
| Điện thoại cơ quan | 0274.3712292 | Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư cơ khí | | |
| Quá trình công tác:<br>- Từ 7/2005 đến 8/2008: Công ty CP Chiếu xạ An Phú<br>- Từ 9/2008 đến nay: Công ty TNHH Thái Sơn<br>- 11/2014 đến 05/2022: Thành Viên HĐQT Công ty CP chiếu xạ An Phú.<br>- 05/2022 đến nay: Chủ Tịch HĐQT Công ty CP chiếu xạ An Phú. | | | |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Chủ Tịch HĐQT | | |
| Số cổ phần nắm giữ<br>+ Số cổ phần sở hữu cá nhân | 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)<br>0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) | | |

| | |
|---|---|
| + Số cổ phần đại diện | 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) |

| Bà: **VÕ THÙY DƯƠNG** | | | |
|---|---|---|---|
| Giới tính | Nữ | Nơi sinh | Tp. HCM |
| Ngày tháng năm sinh | 02/06/1991 | Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | TpHCM | Quốc tịch | Việt Nam |
| Số CCCD | 079191024005 | | |
| Địa chỉ thường trú | 118/75 Bạch Đằng, P.24, Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh | | |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân QTKD & DN | | |

Quá trình công tác:

-Từ Tháng 12/2014 – 31/01/2015: Làm việc tại Công ty cổ phần Chiếu Xạ An Phú với cương vị Phó Tổng Giám Đốc công ty.

- Từ 1/2/2015 – 5/2/2015: Tổng Giám đốc Công ty CP Chiếu xạ An Phú

- Từ 6/2/2015- 24/07/2020 : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cp Chiếu xạ An Phú

- Từ 24/07/2020 - Nay: Thành Viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cp Chiếu xạ An Phú

| | |
|---|---|
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Thành Viên HĐQT kiêm TGĐ |
| Số cổ phần nắm giữ | 8.052.920 cổ phần (tỷ lệ 40.46% VĐL) |
| + Số cổ phần sở hữu cá nhân | 8.052.920 cổ phần (tỷ lệ 40.46% VĐL) |
| + Số cổ phần đại diện | 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) |

| Bà : **LÊ THỊ MỸ DUYÊN** | | | |
|---|---|---|---|
| Giới tính | Nữ | Nơi sinh | Tp. HCM |
| Ngày tháng năm sinh | 04/03/1998 | Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Tp. HCM | Quốc tịch | Việt Nam |

| | |
|---|---|
| Số CCCD | 079198017116 |
| Địa chỉ thường trú | 80/58/6/25 đường số 12, P.Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP.HCM |
| Quá trình công tác:<br>- Từ 07/2020. – 28/04/2023: Trợ lý Giám Đốc Công ty Cp Chiếu xạ An Phú Chi nhánh 02<br>- Từ 28/04/2023 - Nay: Thành Viên HĐQT Công ty Cp Chiếu xạ An Phú | |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Thành Viên HĐQT |
| Số cổ phần nắm giữ | 548.340 cổ phần (tỷ lệ 2.75% VĐL) |
| + Số cổ phần sở hữu cá nhân | 548.340 cổ phần (tỷ lệ 2.75% VĐL) |
| + Số cổ phần đại diện | 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) |

| **Bà: HUỲNH THỊ BÍCH LOAN** | | | |
|---|---|---|---|
| Giới tính | Nữ | Nơi sinh | Cần Thơ |
| Ngày tháng năm sinh | 25/06/1976 | Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Cần Thơ | Quốc tịch | Việt Nam |
| Số CCCD | 092176006605 | | |
| Địa chỉ thường trú | 374/5KV11, P. Châu Văn Liêm, Q. Ô Môn, Tp. Cần Thơ | | |
| Điện thoại cơ quan | 0274.3712292 | Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế | | |
| Quá trình công tác:<br>- Từ 2002-2006: Kế toán tổng hợp, Công ty LD TNHH Hóa Dầu VTN-P<br>- Từ 2007-2008: Công ty Tư Vấn Tài Chính và Kiểm Toán AFC<br>- Từ 2008-nay: Công Ty TNHH Thái Sơn<br>- Từ 11/2014 đến 05/2022: Thành Viên HĐQT Công ty CP Chiếu xạ An Phú.<br>- Từ 05/2022 đến nay: Thành Viên HĐQT, Chủ Tịch Ủy Ban Kiểm Toán Công ty CP Chiếu xạ An Phú. | | | |

| | |
|---|---|
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Thành viên HĐQT, Chủ Tịch Ủy Ban Kiểm Toán Công ty CP Chiếu xạ An Phú |
| Số cổ phần nắm giữ<br>+ Số cổ phần sở hữu cá nhân<br>+ Số cổ phần đại diện | 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)<br>0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)<br>0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) |

| **Bà: PHẠM THỊ LƯỢNG** | | | |
|---|---|---|---|
| Giới tính | Nữ | Nơi sinh | Quảng Ninh |
| Ngày tháng năm sinh | 16/12/1976 | Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Quảng Ninh | Quốc tịch | Việt Nam |
| Số CCCD | 022176010278 | | |
| Địa chỉ thường trú | 385/70/10 Trần Quang Diệu, P. An Thới, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ | | |
| Điện thoại cơ quan | 0274.3712292 | Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế | | |
| Quá trình công tác:<br>- Từ năm 1999 đến năm 2004: Công ty LD TNHH Hóa Dầu VTN-P<br>- Từ năm 2004 đến năm 2009: Liên Danh Taisei - Kajima - Nippon Steel<br>- Từ năm 2009 đến năm nay: Công ty TNHH Thái Sơn<br>- Từ 11/2014 đến 05/2022: Thành Viên HĐQT Công ty CP Chiếu xạ An Phú.<br>- Từ 05/2022 đến nay: Thành Viên HĐQT, Thành Viên Ủy Ban Kiểm Toán Công ty CP Chiếu xạ An Phú. | | | |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Thành viên HĐQT, Thành Viên Ủy Ban Kiểm Toán Công ty CP Chiếu xạ An Phú | | |
| Số cổ phần nắm giữ | 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) | | |

| | |
|---|---|
| + Số cổ phần sở hữu cá nhân | 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) |
| + Số cổ phần đại diện | 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) |

**b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

1- Tiểu ban Nhân Sự - Tiền Lương

2- Tiểu ban Kiểm toán

**c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị: Trong năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty tiến hành họp 04 lần để thông qua các vấn đề quan trọng của công ty. Số lượng tham gia cuộc họp và ban hành các Nghị quyết như sau:

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Ông Huỳnh Ngọc Hậu | Chủ Tịch | 04 | 100% | |
| 2 | Bà Võ Thuỳ Dương | Thành viên | 04 | 100% | |
| 3 | Bà Lê Thị Mỹ Duyên | Thành viên | 02 | 50% | |
| 4 | Bà Huỳnh Thị Bích Loan | Thành viên | 04 | 100% | |
| 5 | Bà Phạm Thị Lượng | Thành viên | 04 | 100% | |

**Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:**

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|---|---|---|---|
| 1 | 01/ NQ-HĐQT-API | 16/02/2023 | - Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 |
| 2 | 02/NQ-HĐQT-API | 08/03/2023 | - Bổ nhiệm Kế Toán Trưởng và Người phụ trách Công bố thông tin |
| 3 | 03/NQ-HĐQT-API | 10/05/2023 | - Bầu Chủ Tịch HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 |
| 4 | 04/NQ-HĐQT-API | 26/09/2023 | - Thành lập Văn Phòng Đại Diện tại TPHCM |

d. **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:** Không có

e. **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2023, Tiểu ban Nhân Sự - Tiền Lương thuộc HĐQT đã họp bàn, trình HĐQT phê duyệt chính sách tiền lương, tiền thưởng đối với Công ty.

Tiểu ban Kiểm Toán thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra Nghị quyết của HĐQT đồng thời thực hiện giám sát hoạt động của BĐH thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT cũng như cơ chế phân quyền giữa HĐQT và TGĐ. Hoạt động giám sát của Tiểu ban Kiểm Toán được triển khai đa dạng qua các kênh báo cáo và tiếp xúc với Kế toán trưởng, Bộ phận Kiểm toán nội bộ cũng như Kiểm toán độc lập. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Tiểu ban Kiểm Toán luôn phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành và các cán bộ quản lý liên quan và luôn nhận được sự hợp tác từ phía Ban điều hành

f. **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:**

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty | Có tham gia chương trình quản trị Công ty |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Ông Huỳnh Ngọc Hậu | Chủ tịch | | |
| 2 | Bà Võ Thùy Dương | Thành viên | | X |
| 3 | Bà Lê Thị Mỹ Duyên | Thành viên | | |
| 4 | Bà Huỳnh Thị Bích Loan | Thành viên | | |
| 5 | Bà Phạm Thị Lượng | Thành viên | | |

**2. Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán:**

a. **Thành viên và cơ cấu của Ủy ban kiểm toán:** Ủy ban kiểm toán bao gồm có 2 thành viên

| STT | Thành viên Ủy ban Kiểm toán | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên Ủy ban Kiểm toán | Trình độ chuyên môn |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Huỳnh Thị Bích Loan | Chủ tịch Ủy Ban Kiểm Toán | 01/04/2021 | Cử nhân kinh tế |
| 2 | Phạm Thị Lượng | Thành Viên Ủy Ban Kiểm Toán | 04/05/2022 | Cử nhân |

**b. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán**

Các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

| STT | Thành viên Ủy ban Kiểm toán | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Huỳnh Thị Bích Loan | 2 | 100% | 100% | |
| 2 | Phạm Thị Lượng | 2 | 100% | 100% | |

Đánh giá hoạt động của Ủy ban kiểm toán

- Ủy ban kiểm toán theo dõi hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra Nghị quyết của HĐQT.
- Giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua viêc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT cũng như cơ chế phân quyền giữa HĐQT và TGĐ.
- Trao đổi trực tiếp với các Giám đốc điều hành để nắm được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty
- Giám sát thông qua báo cáo và trao đổi trực tiếp với Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Ủy ban Kiểm toán thường xuyên phối hợp với các thành viên HĐQT, thành viên BĐH và cán bộ quản lý khác để thực hiện chức năng giám sát của mình.
- Ban điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp kịp thời các yêu cầu về thông tin phục vụ yêu cầu giám sát của Ủy ban Kiểm toán.
- Ủy ban Kiểm toán báo cáo định kỳ kết quả giám sát lên HĐQT

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc.**

**a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích nhận được trong năm 2023:**

**Đơn vị tính: đồng**

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Lương | Thù Lao | Thưởng | Lợi ích khác | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Hội đồng quản trị** | | | | | | |
| 1 | Ông Huỳnh Ngọc Hậu | Chủ tịch HĐQT | | 192.000.000 | 16.000.000 | | 208.000.000 |
| 2 | Bà Võ Thùy Dương | Ủy viên | | 168.000.000 | 14.000.000 | | 182.000.000 |
| 3 | Bà Lê Thị Mỹ Duyên | Ủy viên | | 112.000.000 | | | 112.000.000 |
| 4 | Bà Huỳnh Thị Bích Loan | Ủy viên | | 168.000.000 | 14.000.000 | | 182.000.000 |
| 5 | Bà Phạm Thị Lượng | Ủy viên | | 168.000.000 | 14.000.000 | | 182.000.000 |
| 6 | Ông Nguyễn Ngọc Hoàng | Phụ trách quản trị công ty | | 144.000.000 | 12.000.000 | | 156.000.000 |
| **II** | **Ban Giám Đốc** | | | | | | |
| 1 | Bà Võ Thùy Dương | TGĐ | 1.375.980.000 | | 58.000.000 | | 1.433.980.000 |
| 2 | Ông Võ Thái Sơn | P.TGĐ | 830.120.000 | | 46.000.000 | | 876.120.000 |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung | KTT | 304.602.963 | | 987.654 | | 305.590.617 |

**b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không phát sinh

**c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không phát sinh

**d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc Công ty luôn thực hiện theo đúng các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan khác.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2023 của Công Ty Cổ Phần Chiếu Xạ An Phú đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn A&C. Theo đó ý kiến của đơn vị kiểm toán như sau:

"Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Chiếu xạ An Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp".

### 2. Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán:

- Đính kèm theo báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.
- Toàn văn báo cáo tài chính năm 2023 đã được đăng tải toàn bộ trên website: www.apic.com.vn.

**CHỦ TỊCH HĐQT**

**HUỲNH NGỌC HẬU**

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

# CÔNG TY CỔ PHẦN
# CHIẾU XẠ AN PHÚ

# MỤC LỤC


| | | Trang |
|---|---|---|
| 1. | Mục lục | 1 |
| 2. | Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. | Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 |
| 4. | Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 6 - 9 |
| 5. | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 10 |
| 6. | Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 11 - 12 |
| 7. | Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 13 - 33 |
| 8. | Phụ lục | 34 |


**********

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700480244, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.
- Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 73/CN-UB ngày 30 tháng 6 năm 2003 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương cấp;
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 6803760767, chứng nhận lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2009 và chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 16 tháng 12 năm 2016 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Vĩnh Long cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 2530281101, chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2018 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Bắc Ninh cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 7538722580, chứng nhận lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2019 và chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 08 tháng 12 năm 2021 do Ban quản lý Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 3700480244-004, chứng nhận lần đầu ngày 13 tháng 10 năm 2023 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 22 tháng 01 năm 2010, Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APC.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (0650) 371 3116
- Fax : (0650) 371 2293

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|---|
| Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú - Chi nhánh 01 | Lô C1 và C2 Khu Công nghiệp Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long |
| Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú - Chi nhánh 02 | Số 29, đường 9, Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh |
| Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú - Chi nhánh 03 | Lô E6 - 6, lô E6 - 7 đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh |

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Chiếu xạ khử trùng các loại thủy sản, các dụng cụ y tế; chiếu xạ, bảo quản các sản phẩm công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác;
- Dịch vụ bảo quản rau quả đông lạnh; Dịch vụ bảo quản các loại thực phẩm đông lạnh;
- Bán buôn thủy hải sản, các sản phẩm từ thịt, hàng nông sản các loại;
- Sản xuất hoá chất cơ bản (không sản xuất tại địa chỉ trụ sở, trụ sở chính chỉ làm văn phòng giao dịch);
- Bán buôn hóa chất khác (trừ hóa chất Bảng 1 theo Công ước Quốc tế);
- Nghiên cứu và phát triển công nghệ chiếu xạ ứng dụng trong lĩnh vực công nghệ vật liệu mới; công nghệ nano, lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

***Hội đồng quản trị***

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|---|---|---|
| Ông Huỳnh Ngọc Hậu | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023 |
| Bà Võ Thùy Dương | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023 |
| Bà Huỳnh Thị Bích Loan | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023 |
| Bà Phạm Thị Lượng | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023 |
| Bà Lê Thị Mỹ Duyên | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Ngọc Hoàng | Phụ trách quản trị | Bổ nhiệm ngày 03 tháng 7 năm 2020 |

***Ủy ban kiểm toán***

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---|---|---|
| Bà Huỳnh Thị Bích Loan | Chủ tịch ủy ban | Bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022 |
| Bà Phạm Thị Lượng | Thành viên ủy ban | Bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022 |

***Ban Tổng Giám đốc***

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---|---|---|
| Bà Võ Thùy Dương | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2015 |
| Ông Võ Thái Sơn | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2017 |

**Đại diện theo pháp luật**
Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Võ Thùy Dương - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2015).

**Kiểm toán viên**
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

**Võ Thúy Dương**
**Tổng Giám đốc**

Ngày 13 tháng 3 năm 2024

**A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn

bakertilly A & C
www.a-c.com.vn

Số: 1.0443/24/TC-AC

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A & C

| | |
|---|---|
| **Phan Vũ Công Bá** | **Nguyễn Hoàng Yến** |
| **Thành viên Ban Giám đốc** | **Kiểm toán viên** |
| *Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2023-008-1* | *Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0088-2023-008-1* |
| Người được ủy quyền | |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2024

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **A - TÀI SẢN NGẮN HẠN** | **100** | | **128.897.859.531** | **242.773.700.340** |
| **I. Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | **V.1** | **6.478.702.371** | **4.528.433.207** |
| 1. Tiền | 111 | | 6.478.702.371 | 4.528.433.207 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| **II. Đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** | | **22.651.579.752** | **103.962.571.695** |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 22.651.579.752 | 103.962.571.695 |
| **III. Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** | | **90.472.931.784** | **129.614.648.206** |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 26.750.165.586 | 23.293.714.501 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 73.759.523.501 | 115.523.367.359 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 456.127.002 | 672.874.041 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (10.492.884.305) | (9.875.307.695) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| **IV. Hàng tồn kho** | **140** | | **668.589.590** | **562.266.698** |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 668.589.590 | 562.266.698 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| **V. Tài sản ngắn hạn khác** | **150** | | **8.626.056.034** | **4.105.780.534** |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 528.873.183 | 1.185.034.524 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 5.582.675.404 | 406.238.563 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.13 | 2.514.507.447 | 2.514.507.447 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp** (tiếp theo)

| | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|---|
| **B-** | **TÀI SẢN DÀI HẠN** | **200** | | **761.576.608.061** | **731.144.840.479** |
| **I.** | **Các khoản phải thu dài hạn** | **210** | | **10.348.350.000** | **10.348.350.000** |
| 1. | Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. | Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. | Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. | Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. | Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. | Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 10.348.350.000 | 10.348.350.000 |
| 7. | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| **II.** | **Tài sản cố định** | **220** | | **645.017.505.369** | **647.653.495.034** |
| 1. | Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 621.387.863.528 | 621.952.344.337 |
| - | *Nguyên giá* | *222* | | *902.950.712.603* | *856.487.087.428* |
| - | *Giá trị hao mòn lũy kế* | *223* | | *(281.562.849.075)* | *(234.534.743.091)* |
| 2. | Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - | *Nguyên giá* | *225* | | - | - |
| - | *Giá trị hao mòn lũy kế* | *226* | | - | - |
| 3. | Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 23.629.641.841 | 25.701.150.697 |
| - | *Nguyên giá* | *228* | | *40.565.943.633* | *40.565.943.633* |
| - | *Giá trị hao mòn lũy kế* | *229* | | *(16.936.301.792)* | *(14.864.792.936)* |
| **III.** | **Bất động sản đầu tư** | **230** | | - | - |
| - | Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - | Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| **IV.** | **Tài sản dở dang dài hạn** | **240** | | **78.000.000** | **2.416.605.041** |
| 1. | Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | 78.000.000 | 2.416.605.041 |
| **V.** | **Đầu tư tài chính dài hạn** | **250** | | - | - |
| 1. | Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. | Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| **VI.** | **Tài sản dài hạn khác** | **260** | | **106.132.752.692** | **70.726.390.404** |
| 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 106.132.752.692 | 70.726.390.404 |
| 2. | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.11 | - | - |
| 3. | Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. | Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| | **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | **270** | | **890.474.467.592** | **973.918.540.819** |

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **C - NỢ PHẢI TRẢ** | **300** | | **299.833.546.989** | **347.668.563.855** |
| **I. Nợ ngắn hạn** | **310** | | **114.056.438.107** | **87.491.454.973** |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 7.930.314.487 | 7.528.544.058 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 142.685.042 | 165.107.374 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 456.603.944 | 433.599.506 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.14 | 1.998.772.047 | 1.620.031.564 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 2.124.613.889 | 2.055.295.769 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | 5.400.000 | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.16 | 1.741.037.715 | 1.229.584.022 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.17a | 86.443.018.303 | 61.200.000.000 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.18 | 13.213.992.680 | 13.259.292.680 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| **II. Nợ dài hạn** | **330** | | **185.777.108.882** | **260.177.108.882** |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.17b | 185.777.108.882 | 260.177.108.882 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **D - VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **400** | | **590.640.920.603** | **626.249.976.964** |
| **I. Vốn chủ sở hữu** | **410** | | **590.640.920.603** | **626.249.976.964** |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.19 | 201.213.950.000 | 201.213.950.000 |
| - *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết* | *411a* | | *201.213.950.000* | *201.213.950.000* |
| - *Cổ phiếu ưu đãi* | *411b* | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.19 | 121.440.570.454 | 121.440.570.454 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | V.19 | (2.163.700.000) | (2.163.700.000) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.19 | 9.269.234.725 | 9.269.234.725 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.19 | 260.880.865.424 | 296.489.921.785 |
| - *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước* | *421a* | | *296.489.921.785* | *296.489.921.785* |
| - *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này* | *421b* | | *(35.609.056.361)* | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| **II. Nguồn kinh phí và quỹ khác** | **430** | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | **440** | | **890.474.467.592** | **973.918.540.819** |

Bình Dương, ngày 13 tháng 3 năm 2024

| Phạm Thị Lợi | Nguyễn Thị Tuyết Nhung | Võ Thùy Dương |
|---|---|---|
| **Người lập** | **Kế toán trưởng** | **Tổng Giám đốc** |

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Đơn vị tính: VND

| | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|---|
| 1. | **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | 01 | VI.1 | 117.910.322.495 | 135.739.780.744 |
| 2. | **Các khoản giảm trừ doanh thu** | 02 | | - | - |
| 3. | **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | 10 | | 117.910.322.495 | 135.739.780.744 |
| 4. | **Giá vốn hàng bán** | 11 | VI.2 | 92.509.685.062 | 90.846.764.698 |
| 5. | **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | 20 | | 25.400.637.433 | 44.893.016.046 |
| 6. | **Doanh thu hoạt động tài chính** | 21 | VI.3 | 4.594.616.624 | 5.567.647.527 |
| 7. | **Chi phí tài chính** | 22 | VI.4 | 32.044.190.850 | 26.330.647.668 |
| | Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 31.840.194.487 | 26.008.900.412 |
| 8. | **Chi phí bán hàng** | 25 | VI.5 | 4.832.639.449 | 5.885.626.283 |
| 9. | **Chi phí quản lý doanh nghiệp** | 26 | VI.6 | 27.968.518.839 | 27.250.138.940 |
| 10. | **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** | 30 | | (34.850.095.081) | (9.005.749.318) |
| 11. | **Thu nhập khác** | 31 | | 171.506.771 | 1.556.178 |
| 12. | **Chi phí khác** | 32 | | 265.147.867 | 2.898.415 |
| 13. | **Lợi nhuận khác** | 40 | | (93.641.096) | (1.342.237) |
| 14. | **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | 50 | | (34.943.736.177) | (9.007.091.555) |
| 15. | **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành** | 51 | V.13 | 665.320.184 | - |
| 16. | **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại** | 52 | | - | - |
| 17. | **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** | 60 | | (35.609.056.361) | (9.007.091.555) |
| 18. | **Lãi cơ bản trên cổ phiếu** | 70 | VI.7 | (1.789) | (453) |
| 19. | **Lãi suy giảm trên cổ phiếu** | 71 | VI.7 | (1.789) | (453) |

Bình Dương, ngày 13 tháng 3 năm 2024

| Phạm Thị Lợi | Nguyễn Thị Tuyết Nhung | Võ Thúy Dương |
|---|---|---|
| **Người lập** | **Kế toán trưởng** | **Tổng Giám đốc** |

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

**(Theo phương pháp gián tiếp)**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| **I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** | | | | |
| ***1. Lợi nhuận trước thuế*** | ***01*** | | ***(34.943.736.177)*** | ***(9.007.091.555)*** |
| ***2. Điều chỉnh cho các khoản:*** | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.8; V.9 | 49.099.614.840 | 48.058.272.393 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6 | 617.576.610 | 709.433.959 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.3; VI.4 | 203.996.363 | (82.838.813) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3 | (4.581.235.272) | (5.412.390.395) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 31.840.194.487 | 26.008.900.412 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| ***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*** | ***08*** | | ***42.236.410.851*** | ***60.274.286.001*** |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 11.573.867.304 | 2.386.833.921 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (106.322.892) | (498.638.018) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 1.005.094.029 | (1.820.099.340) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (34.750.200.947) | 4.451.250.990 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | V.15; VI.4 | (31.965.508.516) | (25.784.162.276) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.13 | (665.320.184) | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.18 | (45.300.000) | (45.500.000) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | ***20*** | | ***(12.717.280.355)*** | ***38.963.971.278*** |
| **II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.8<br>V.10; VII | (22.264.852.788) | (47.637.457.935) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | V.2 | (20.108.363.094) | (146.246.303.732) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | V.2 | 101.419.355.037 | 149.374.004.709 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5; VI.3 | 4.776.722.902 | 6.303.721.098 |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | ***30*** | | ***63.822.862.057*** | ***(38.206.035.860)*** |

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| **III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.17 | 83.837.132.490 | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.17 | (132.994.114.187) | (15.200.000.000) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | ***40*** | | ***(49.156.981.697)*** | ***(15.200.000.000)*** |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong năm** | **50** | | **1.948.600.005** | **(14.442.064.582)** |
| **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | **60** | **V.1** | **4.528.433.207** | **18.971.112.990** |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 1.669.159 | (615.201) |
| **Tiền và tương đương tiền cuối năm** | **70** | **V.1** | **6.478.702.371** | **4.528.433.207** |

Bình Dương, ngày 13 tháng 3 năm 2024

| Phạm Thị Lợi | Nguyễn Thị Tuyết Nhung | Võ Thủy Dương |
|---|---|---|
| **Người lập** | **Kế toán trưởng** | **Tổng Giám đốc** |

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

**1. Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chiếu xạ khử trùng các loại thủy sản, các dụng cụ y tế; chiếu xạ, bảo quản các sản phẩm công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; Dịch vụ bảo quản rau quả đông lạnh; Dịch vụ bảo quản các loại thực phẩm đông lạnh.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc Công ty**
***Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc***

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|---|
| Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú - Chi nhánh 01 | Lô C1 và C2 Khu công nghiệp Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long |
| Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú - Chi nhánh 02 | Số 29, đường 9, Khu Công Nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh |
| Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú - Chi nhánh 03 | Lô E6 - 6, lô E6 - 7 đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh |

**6. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Do ảnh hưởng chung của nền kinh tế làm cho nhu cầu tiêu dùng của xã hội sụt giảm, tác động đến doanh nghiệp xuất khẩu thực phẩm và thủy hải sản. Đây là nguyên nhân chính làm cho doanh thu năm nay của Công ty giảm đáng kể và số lỗ trong năm nay của Công ty cũng gia tăng hơn so với năm trước.

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

**8. Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 227 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 233 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

**1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

## 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## 4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho của Công ty chỉ có công cụ, dụng cụ. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và chi phí nguồn xạ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

***Tiền thuê đất***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (40 năm).

***Chi phí nguồn xạ***

Chi phí nguồn xạ thể hiện tổng số tiền đã chi để mua nguồn xạ. Chi phí nguồn xạ được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo chu kỳ bán rã của đồng vị phóng xạ Coban 60, công thức tính cụ thể như sau: N(T)=No x (e^(ln(2)/(5,272 x T))). Chu kì bán rã của đồng vị phóng xạ Coban 60 là 5,2716 năm.

## 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| Loại tài sản cố định | Số năm |
|---|---|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 03 – 35 |
| Máy móc và thiết bị | 03 – 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 – 12 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 |

## 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Công ty đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất (20 - 47 năm).

***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 05 năm.

## 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

## 13. Vốn chủ sở hữu

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

## 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## 16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Tiền mặt | 203.430.186 | 527.626.395 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 6.275.272.185 | 4.000.806.812 |
| **Cộng** | **6.478.702.371** | **4.528.433.207** |

### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| ***Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn*** | | |
| Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (i) | 12.651.579.752 | 41.962.571.695 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh | - | 38.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Sài Gòn (ii) | 10.000.000.000 | 24.000.000.000 |
| **Cộng** | **22.651.579.752** | **103.962.571.695** |

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được thế chấp đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17a).

(ii) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được thế chấp đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.17a).

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Quốc Việt | 5.849.353.705 | 5.849.353.705 |
| Công ty TNHH MTV Lan Anh Bình Dương | 2.112.320.671 | 2.890.865.155 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Cá 2 | 5.080.661.049 | - |
| Các khách hàng khác | 13.707.830.161 | 14.553.495.641 |
| **Cộng** | **26.750.165.586** | **23.293.714.501** |

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| ***Trả trước cho bên liên quan*** | ***50.148.819.855*** | ***70.000.000.000*** |
| Công ty TNHH Thái Sơn | 50.148.819.855 | 70.000.000.000 |
| ***Trả trước cho các người bán khác*** | ***23.610.703.646*** | ***45.523.367.359*** |
| Corpex Asia Ltd., | 21.098.089.194 | 15.928.489.194 |
| Các nhà cung cấp khác | 2.512.614.452 | 29.594.878.165 |
| **Cộng** | **73.759.523.501** | **115.523.367.359** |

## 5. Phải thu khác

### *5a. Phải thu ngắn hạn khác*

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 11.200.000 | - | 11.200.000 | - |
| Lãi dự thu | 441.086.411 | - | 636.574.041 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 3.840.591 | | 25.100.000 | |
| **Cộng** | **456.127.002** | **-** | **672.874.041** | **-** |

### *5b. Phải thu dài hạn khác*

Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

## 6. Nợ xấu

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Quốc Việt | | | | | | |
| | *Từ 01 năm đến dưới 02 năm* | - | - | *Từ 01 năm đến dưới 02 năm* | - | - |
| | *Từ 02 năm đến dưới 03 năm* | - | - | *Từ 02 năm đến dưới 03 năm* | *859.850.000* | *257.955.000* |
| | *Từ 03 năm trở lên* | *5.849.353.705* | - | *Từ 03 năm trở lên* | *4.989.503.705* | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | | | | | | |
| | *Từ 06 tháng đến dưới 01 năm* | *272.054.170* | *190.437.919* | *Từ 06 tháng đến dưới 01 năm* | *141.060.389* | *98.742.273* |
| | *Từ 01 năm đến dưới 02 năm* | *419.601.447* | *209.800.723* | *Từ 01 năm đến dưới 02 năm* | *154.105.327* | *77.052.658* |
| | *Từ 02 năm đến dưới 03 năm* | *154.292.014* | *46.287.604* | *Từ 02 năm đến dưới 03 năm* | *222.475.996* | *66.742.795* |
| | *Từ 03 năm trở lên* | *4.244.109.215* | - | *Từ 03 năm trở lên* | *4.008.805.004* | - |
| **Cộng** | | **10.939.410.551** | **446.526.246** | | **10.375.800.421** | **500.492.726** |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Số đầu năm | 9.875.307.695 | 9.165.873.736 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 617.576.610 | 709.433.959 |
| **Số cuối năm** | **10.492.884.305** | **9.875.307.695** |

## 7. Chi phí trả trước

### *7a. Chi phí trả trước ngắn hạn*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Công cụ, dụng cụ | 26.956.477 | 70.086.418 |
| Chi phí bảo hiểm | 40.244.275 | 376.794.176 |
| Chi phí sửa chữa | 163.536.776 | 251.689.282 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 298.135.655 | 486.464.648 |
| **Cộng** | **528.873.183** | **1.185.034.524** |

### *7b. Chi phí trả trước dài hạn*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Công cụ, dụng cụ | 1.988.545.325 | 2.006.945.410 |
| Tiền thuê đất[i] | 28.517.746.093 | 29.358.564.157 |
| Chi phí nguồn xạ | 73.079.245.202 | 37.539.749.058 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 2.547.216.072 | 1.821.131.779 |
| **Cộng** | **106.132.752.692** | **70.726.390.404** |

(i) Quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (thuyết minh V.17).

## 8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---|---|---|---|---|---|
| **Nguyên giá** | | | | | |
| Số đầu năm | 301.661.685.339 | 525.616.589.754 | 28.333.666.864 | 875.145.471 | 856.487.087.428 |
| Mua trong năm | - | 1.871.196.512 | - | 259.445.455 | 2.130.641.967 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 13.433.507.155 | 1.653.766.327 | 3.542.640.439 | 25.703.069.287 | 44.332.983.208 |
| **Số cuối năm** | **315.095.192.494** | **529.141.552.593** | **31.876.307.303** | **26.837.660.213** | **902.950.712.603** |
| *Trong đó:* | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 52.481.712.141 | 39.179.511.261 | 13.649.550.864 | 596.752.972 | 105.907.527.238 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| **Giá trị hao mòn** | | | | | |
| Số đầu năm | 103.649.223.256 | 110.556.570.288 | 19.560.909.957 | 768.039.590 | 234.534.743.091 |
| Khấu hao trong năm | 10.984.544.195 | 33.359.557.446 | 1.823.394.723 | 860.609.620 | 47.028.105.984 |
| **Số cuối năm** | **114.633.767.451** | **143.916.127.734** | **21.384.304.680** | **1.628.649.210** | **281.562.849.075** |
| **Giá trị còn lại** | | | | | |
| Số đầu năm | 198.012.462.083 | 415.060.019.466 | 8.772.756.907 | 107.105.881 | 621.952.344.337 |
| **Số cuối năm** | **200.461.425.043** | **385.225.424.859** | **10.492.002.623** | **25.209.011.003** | **621.387.863.528** |
| *Trong đó:* | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 503.802.142.716 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (xem thuyết minh số V.17).

## 9. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|---|---|---|---|
| **Nguyên giá** | | | |
| Số đầu năm | 35.063.900.737 | 5.502.042.896 | 40.565.943.633 |
| **Số cuối năm** | **35.063.900.737** | **5.502.042.896** | **40.565.943.633** |
| *Trong đó:* | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 267.785.878 | 267.785.878 |
| **Giá trị hao mòn** | | | |
| Số đầu năm | 12.123.884.532 | 2.740.908.404 | 14.864.792.936 |
| Khấu hao trong năm | 976.815.792 | 1.094.693.064 | 2.071.508.856 |
| **Số cuối năm** | **13.100.700.324** | **3.835.601.468** | **16.936.301.792** |
| **Giá trị còn lại** | | | |
| Số đầu năm | 22.940.016.205 | 2.761.134.492 | 25.701.150.697 |
| **Số cuối năm** | **21.963.200.413** | **1.666.441.428** | **23.629.641.841** |
| *Trong đó:* | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

Toàn bộ Quyền sử dụng đất của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (xem thuyết minh số V.17).

## 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Kết chuyển giảm khác | Số cuối năm |
|---|---|---|---|---|---|
| Mua sắm tài sản cố định | 84.272.730 | - | - | (6.272.730) | 78.000.000 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 2.332.332.311 | 42.481.787.445 | (44.332.983.208) | (481.136.548) | - |
| *- Dự án Nhà máy chiếu xạ Bắc Ninh* | *253.295.000* | *204.555.000* | - | *(457.850.000)* | - |
| *- Dự án Văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh* | *2.079.037.311* | *42.277.232.445* | *(44.332.983.208)* | *(23.286.548)* | - |
| **Cộng** | **2.416.605.041** | **42.481.787.445** | **(44.332.983.208)** | **(487.409.278)** | **78.000.000** |

## 11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:.

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Chi phí lãi vay (i) | 17.448.155.842 | 2.651.107.266 |
| Lỗ tính thuế (ii) | 17.677.184.698 | 1.277.320.819 |
| **Cộng** | **35.125.340.540** | **3.928.428.085** |

(i) Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

(ii) Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

| | |
|---|---|
| Năm 2021 | 269.081.777 |
| Năm 2022 | 1.008.239.042 |
| Năm 2023 | 16.399.863.879 |
| **Cộng** | **17.677.184.698** |

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

## 12. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông (*) | 7.278.393.209 | 7.072.727.687 |
| Các nhà cung cấp khác | 651.921.278 | 455.816.371 |
| **Cộng** | **7.930.314.487** | **7.528.544.058** |

(*) Khoản nợ phải trả cho Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông đã quá hạn nhưng chưa thanh toán do đối tác chưa hoàn tất các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng.

## 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 331.890.317 | - | 4.006.846.875. | (3.956.905.620) | 381.831.572 | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 27.796.986 | (27.796.986) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 2.514.507.447 | 665.320.184 | (665.320.184) | - | 2.514.507.447 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 101.709.189 | - | 842.130.891 | (869.067.708) | 74.772.372 | - |
| Tiền thuê đất | - | | 450.600.240 | (450.600.240) | - | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 6.000.000 | (6.000.000) | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 151.208.368 | (151.208.368) | - | - |
| **Cộng** | **433.599.506** | **2.514.507.447** | **6.149.903.544** | **(6.126.899.106)** | **456.603.944** | **2.514.507.447** |

***Thuế giá trị gia tăng***
Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ xuất khẩu là 0%, dịch vụ trong nước là 10%.

***Thuế xuất, nhập khẩu***
Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***
Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (34.943.736.177) | (9.007.091.555) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - *Chi phí lãi vay không được trừ* [(i)] | 14.797.048.576 | *2.651.107.266* |
| - *Các khoản điều chỉnh tăng khác* | *3.746.823.722* | *5.347.745.247* |
| - *Các khoản điều chỉnh giảm* | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | (16.399.863.879) | (1.008.239.042) |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| ***Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp*** | - | - |
| ***Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước*** | ***665.320.184*** | - |
| **Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp** | **665.320.184** | - |

(i) Chi phí lãi vay không được trừ này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

***Tiền thuê đất***
Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Ban quản lý các dự án đầu tư – xây dựng Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh.

***Các loại thuế khác***
Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## 14. Phải trả người lao động
Tiền lương và thưởng phải trả cho nhân viên.

## 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Chi phí hoa hồng môi giới | 129.346.098 | 336.998.294 |
| Chi phí duy tu bảo dưỡng hạ tầng và điều hành | 1.080.629.071 | 1.205.855.071 |
| Chi phí lãi vay | 387.128.375 | 512.442.404 |
| Chi phí điện | 397.970.284 | - |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 129.540.061 | - |
| **Cộng** | **2.124.613.889** | **2.055.295.769** |

## 16. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Kinh phí công đoàn | 1.111.111.890 | 952.605.890 |
| Cổ tức phải trả | 236.593.375 | 236.593.375 |
| Hoa hồng phải trả | 279.332.450 | - |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 114.000.000 | 40.384.757 |
| **Cộng** | **1.741.037.715** | **1.229.584.022** |

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

## 17. Vay và nợ thuê tài chính

### *17a. Vay ngắn hạn*

Khoản vay dài hạn đến hạn trả của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương.

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 12.043.018.303 | - |
| *Vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh* (i) | *2.292.551.495* | - |
| *Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Sài Gòn* (ii) | *9.750.466.808* | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b) | 74.400.000.000 | 61.200.000.000 |
| **Cộng** | **86.443.018.303** | **61.200.000.000** |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền hàng với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng (xem thuyết minh số V.2).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng (xem thuyết minh số V.2).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm |
|---|---|---|---|---|---|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | - | 46.837.132.490 | - | (34.794.114.187) | 12.043.018.303 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | - | 37.000.000.000 | - | (37.000.000.000) | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 61.200.000.000 | - | 74.400.000.000 | (61.200.000.000) | 74.400.000.000 |
| **Cộng** | **61.200.000.000** | **83.837.132.490** | **74.400.000.000** | **(132.994.114.187)** | **86.443.018.303** |

***17b. Vay dài hạn***

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương để trả nợ trước hạn khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú để thực hiện "Dự án đầu tư nhà máy Chiếu xạ An Phú tại Bắc Ninh", thời hạn vay tối đa 78 tháng nhưng không vượt quá ngày 07 tháng 6 năm 2027. Lãi suất cố định trong 02 năm đầu kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, sau thời gian áp dụng lãi suất cho vay cố định thì lãi suất biến động theo lãi suất thị trường. Khoản vay này được đảm bảo bởi:

- Tài sản gắn liền với tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số dc 9, diện tích 14.279,41 $m^2$ địa chỉ tại Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 131/AP-VCB/HĐTC/2020;
- Tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 58, diện tích 27.095,5 $m^2$ tại Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 132/AP-VCB/HĐTC/2020;
- Tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư xây dựng "Nhà máy Chiếu xạ An Phú" tại Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 133/AP-VCB/HĐTC/2020;
- Máy móc, thiết bị theo hợp đồng thế chấp số 134/AP-VCB/HĐTC/2020 và 135/AP-VCB/HĐTC/2020;
- Quyền sử dụng tài sản và các khoản lợi phát sinh từ hợp đồng với Thửa đất số 200. tờ bản đồ số dc 9, diện tích 14.279,41 $m^2$, địa chỉ Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 136/AP-VCB/HĐTC/2020;
- Quyền sử dụng tài sản và các khoản lợi phát sinh từ hợp đồng với Thửa đất số 2. Tờ bản đồ số 58, diện tích 27.095.5 $m^2$, địa chỉ Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long theo Hợp đồng thế chấp số 137/AP-VCB/HĐTC/2020;
- Quyền sử dụng tài sản và các khoản lợi phát sinh từ hợp đồng với Thửa đất số 9, tờ bản đồ số 29, diện tích 15.000,00 $m^2$, địa chỉ Xã Đại Đồng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh theo Hợp đồng thế chấp số 138/AP-VCB/HĐTC/2020.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Từ 01 năm trở xuống | 74.400.000.000 | 61.200.000.000 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 185.777.108.882 | 260.177.108.882 |
| **Cộng** | **260.177.108.882** | **321.377.108.882** |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Số đầu năm | 260.177.108.882 | 321.377.108.882 |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn | (74.400.000.000) | (61.200.000.000) |
| **Số cuối năm** | **185.777.108.882** | **260.177.108.882** |

### *17c. Vay quá hạn chưa thanh toán*

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

## 18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Số đầu năm | 13.259.292.680 | 13.304.792.680 |
| Chi quỹ | (45.300.000) | (45.500.000) |
| **Số cuối năm** | **13.213.992.680** | **13.259.292.680** |

## 19. Vốn chủ sở hữu

### *19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

### *19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Bà Võ Thùy Dương | 80.529.200.000 | 80.529.200.000 |
| Công ty TNHH Thái Sơn | 44.596.540.000 | 44.596.540.000 |
| Torus Capital Investments Pte. Ltd. | 28.707.200.000 | 28.707.200.000 |
| Ông Võ Thái Sơn | 8.000.000.000 | 8.000.000.000 |
| Bà Lê Thị Mỹ Duyên | 5.483.400.000 | - |
| Bà Lê Thị Mỹ Duyên<br>Cổ phiếu quỹ | 2.163.700.000 | 2.163.700.000 |
| Các cổ đông khác | 31.733.910.000 | 37.217.310.000 |
| **Cộng** | **201.213.950.000** | **201.213.950.000** |

Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ-API ngày 25 tháng 6 năm 2021 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu như sau:

- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần
- Số lượng chào bán dự kiến: 19.905.025 cổ phần
- Giá chào bán: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định
- Thời gian dự kiến chào bán: Quý 04/2021
- Nguyên tắc xác định giá chào bán: dựa trên giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2020 (căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán năm 2020) và tình hình thị trường tại thời điểm chào bán
- Tỷ lệ thực hiện quyền mua: 1:1. Số cổ phiếu mỗi cổ đông được quyền mua sẽ làm tròn đến hàng đơn vị
- Mục đích chào bán và phương án sử dụng vốn: Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng cho việc đầu tư Trung tâm nghiên cứu và phát triển ứng dụng công nghệ chiếu xạ (APIRA) và bổ sung vốn lưu động.

Do ảnh hưởng bởi dịch covid-19 làm trì hoãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư nên việc huy động vốn của Công ty đã điều chỉnh lại theo thời gian thực hiện dự án (từ quý 3 năm 2023 đến quý 4 năm 2024).

### *19c. Cổ phiếu*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 20.121.395 | 20.121.395 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 20.121.395 | 20.121.395 |
| - *Cổ phiếu phổ thông* | *20.121.395* | *20.121.395* |
| - *Cổ phiếu ưu đãi* | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | (216.370) | (216.370) |
| - *Cổ phiếu phổ thông* | *(216.370)* | *(216.370)* |
| - *Cổ phiếu ưu đãi* | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 19.905.025 | 19.905.025 |
| - *Cổ phiếu phổ thông* | *19.905.025* | *19.905.025* |
| - *Cổ phiếu ưu đãi* | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

***Ngoại tệ các loại***

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 1.879,48USD (số đầu năm là 2.650,68USD).

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

### *1a. Tổng doanh thu*

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 116.268.405.756 | 133.584.743.991 |
| Doanh thu khác | 1.641.916.739 | 2.155.036.753 |
| **Cộng** | **117.910.322.495** | **135.739.780.744** |

### *1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan*

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với Công ty TNHH Thái Sơn (năm trước là 1.548.118.371 VND).

### 2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ đã cung cấp

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 4.581.235.272 | 5.412.390.395 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 13.381.352 | 72.418.319 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | - | 82.838.813 |
| **Cộng** | **4.594.616.624** | **5.567.647.527** |

## 4. Chi phí tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Chi phí lãi vay | 31.840.194.487 | 26.008.900.412 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | - | 321.747.256 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 203.996.363 | - |
| **Cộng** | **32.044.190.850** | **26.330.647.668** |

## 5. Chi phí bán hàng

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Chi phí cho nhân viên | 2.788.411.847 | 2.780.433.796 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 5.488.641 | 10.389.396 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 43.819.227 | - |
| Chi phí hoa hồng | 1.958.519.490 | 3.027.927.291 |
| Các chi phí khác | 36.400.244 | 66.875.800 |
| **Cộng** | **4.832.639.449** | **5.885.626.283** |

## 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Chi phí cho nhân viên | 12.783.557.276 | 12.750.858.669 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 420.188.711 | 522.410.692 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.023.285.299 | 2.994.223.516 |
| Thuế, phí và lệ phí | 18.910.390 | 6.000.000 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 617.576.610 | 709.433.959 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.739.356.673 | 2.051.948.794 |
| Các chi phí khác | 6.365.643.880 | 8.215.263.310 |
| **Cộng** | **27.968.518.839** | **27.250.138.940** |

## 7. Lãi trên cổ phiếu

### *7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu*

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (35.609.056.361) | (9.007.091.555) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | (35.609.056.361) | (9.007.091.555) |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 19.905.025 | 19.905.025 |
| **Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu** | **(1.789)** | **(453)** |

### *7b. Thông tin khác*

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

## 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 12.148.097.720 | 9.289.334.045 |
| Chi phí nhân công | 36.238.622.364 | 36.587.818.164 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 49.099.614.840 | 48.058.272.393 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 20.044.353.204 | 17.110.205.149 |
| Chi phí khác | 7.780.155.222 | 12.936.900.170 |
| **Cộng** | **125.310.843.350** | **123.982.529.921** |

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định | 23.606.207.594 | 45.184.555.631 |
| Phải trả tiền mua sắm tài sản cố định | 413.953.397 | 132.134.088 |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

### *1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

| Họ và tên | Chức vụ | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|
| Bà Võ Thùy Dương | Thành viên kiêm Tổng Giám đốc | 1.375.980.000 | 1.610.508.762 |
| Ông Võ Thái Sơn | Phó Tổng Giám đốc | 830.120.000 | 1.274.538.420 |
| Bà Lê Thị Mỹ Duyên | Thành viên | 303.230.000 | - |
| Ông Huỳnh Ngọc Hậu | Thành viên | 208.000.000 | 183.806.452 |
| Bà Huỳnh Thị Bích Loan | Thành viên kiêm phụ trách kiểm toán nội bộ | 182.000.000 | 168.000.000 |
| Bà Phạm Thị Lượng | Thành viên | 182.000.000 | 168.000.000 |
| Nguyễn Ngọc Hoàng | Phụ trách quản trị | 156.000.000 | 144.000.000 |
| **Cộng** | | **3.237.330.000** | **3.548.853.634** |

### *1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty TNHH Thái Sơn là cổ đông có ảnh hưởng đáng kể.

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Thái Sơn như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Mua dịch vụ | - | 2.099.324.494 |
| Mua nguồn xạ | 45.299.627.768 | - |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.4.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ chiếu xạ khử trùng và lưu kho bảo quản sản phẩm. Các dịch vụ này không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế.

Các dịch vụ của Công ty được cung cấp cho khách hàng tại khu vực Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Miền tây Nam Bộ và Miền Bắc thông qua Trụ sở chính và các Chi nhánh của Công ty. Các thị trường này cũng không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế.

## 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Bình Dương, ngày 13 tháng 3 năm 2024

| Phan Thị Lợi | Nguyễn Thị Tuyết Nhung | Võ Thùy Dương |
|---|---|---|
| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |

**Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Số dư đầu năm trước | 201.213.950.000 | 121.440.570.454 | (2.163.700.000) | 9.269.234.725 | 305.497.013.340 | 635.257.068.519 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | (9.007.091.555) | (9.007.091.555) |
| **Số dư cuối năm trước** | **201.213.950.000** | **121.440.570.454** | **(2.163.700.000)** | **9.269.234.725** | **296.489.921.785** | **626.249.976.964** |
| Số dư đầu năm nay | 201.213.950.000 | 121.440.570.454 | (2.163.700.000) | 9.269.234.725 | 296.489.921.785 | 626.249.976.964 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | - | (35.609.056.361) | (35.609.056.361) |
| **Số dư cuối năm nay** | **201.213.950.000** | **121.440.570.454** | **(2.163.700.000)** | **9.269.234.725** | **260.880.865.424** | **590.640.920.603** |

Bình Dương, ngày 13 tháng 3 năm 2024

| Phạm Thị Lợi | Nguyễn Thị Tuyết Nhung | Võ Thùy Dương |
|---|---|---|
| **Người lập** | **Kế toán trưởng** | **Tổng Giám đốc** |